



2019

Báo cáo thường niên

TARIC
CHẤT LƯỢNG & NIỀM TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO - TASCO JOINT STOCK COMPANY
91 NGUYỄN CHÍ THANH - P.LẮNG HẠ - Q.ĐỒNG ĐA - HÀ NỘI
www.TARIC.COM.VN | www.TASCO.COM.VN

MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI	5
CÁC GIẢI THƯỞNG CỦA CÔNG TY VÀ CHỦ TỊCH HĐQT PHẠM QUANG DŨNG	6
I. THÔNG TIN CHUNG	7
1. Thông tin khái quát	7
2. Lịch sử hình thành và phát triển	8
3. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý	9
4. Các công ty con, công ty liên kết và các lĩnh vực hoạt động	10
5. Ban lãnh đạo công ty	11
6. Định hướng phát triển	16
7. Các nhân tố rủi ro	17
II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020	18
1. Tổng quan tình hình tài chính công ty	18
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	20
3. Tình hình tài chính của Công ty	22
4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	22
5. Tổ chức và nhân sự	23
6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	24
7. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	25
8. Kế hoạch phát triển trong tương lai	42
III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ	44
1. Hội đồng quản trị Công ty	44
2. Ban Kiểm soát	48
IV. THÔNG TIN CỔ PHIẾU, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG	49
1. Cổ phần	49
2. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	49
3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	51
4. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ	52
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	54

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hà nội ngày 27 tháng 3 năm 2020,

Kính thưa Quý cổ đông, Quý đối tác,
Khách hàng và toàn thể Cán bộ - Công
nhân viên,

Tôi viết bức thư này gửi các Quý vị
vào những ngày cuối tháng 3, khi mà đại
dịch toàn cầu Covid-19 đang ở giai đoạn
cực kỳ căng thẳng.



Tất cả các dự báo về kinh tế vĩ mô của các quốc gia, các kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên toàn cầu xây dựng cho năm 2020 đều đã trở thành không còn phù hợp. Các dự báo mới và kế hoạch mới vẫn còn đang phụ thuộc hoàn toàn vào kết quả không chế dịch bệnh trong thời gian tới. Nhiều tổ chức kinh tế lớn dự báo kịch bản kinh tế toàn cầu bước vào giai đoạn suy thoái với dự báo tăng trưởng chỉ còn hơn 1% (trước đây là 2,5%). Việt Nam chúng ta đang gồng mình không chế dịch và thực hiện rất tốt so với các quốc gia khác, tuy nhiên, vẫn chưa thể biết khi nào cuộc chiến cam go với “giặc” dịch sẽ kết thúc. Tại thời điểm hiện tại, chỉ số GDP năm 2020 của Việt Nam đang được chuyên gia dự báo sẽ còn quanh mức 5% (từ mức 6,8% dự báo trước đây) và lạm phát sẽ vào khoảng 2,3% (mức trước đây là 3,1%).

Với tình hình như hiện nay, tất cả các doanh nghiệp trong đó có Tasco luôn phải sẵn sàng một kế hoạch phù hợp với các biến động chưa từng xảy ra nhằm bảo toàn lực lượng, nắm bắt thời cơ để phát triển khi đại dịch được khống chế thành công.

Nhìn lại năm 2019, giữa ngổn ngang các khó khăn từ tình hình chung và từ nội tại doanh nghiệp, Chúng tôi đã hoàn thành phần lớn các mục tiêu đã đề ra như tập trung thu hồi công nợ trên tất cả các lĩnh vực như BT, Bất động sản, Xây lắp; hoàn thiện thủ tục pháp lý và vận hành khai thác các dự án BOT ổn định; thực hiện các thủ tục quyết toán một loạt các dự án của Công ty Những công việc này có thể chưa mang lại lợi nhuận cao trong ngắn hạn cho Công ty nhưng về dài hạn sẽ góp phần bảo vệ quyền lợi cho Công ty và là tiền đề mang lại nhiều thành quả tốt đẹp hơn trong tương lai. Tuy nhiên, dự án VETC – dự án ảnh hưởng lớn nhất tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua tiếp tục không đạt tiến độ do dự án còn vướng nhiều trở ngại từ cơ chế,

chính sách... Việc này dẫn tới doanh thu của Công ty đạt 85% và lợi nhuận đạt 75% so với kế hoạch đề ra.

Chúng tôi cũng ghi nhận sự nỗ lực không ngừng nghỉ của tất cả cán bộ nhân viên, sự sẻ chia và kiên nhẫn của các cổ đông trong năm qua để Công ty có thể trụ vững và tìm cách tháo gỡ khó khăn từng bước.

Chúng tôi đã và vẫn đang tiến hành chính sách tiết kiệm chi phí, tinh gọn bộ máy, hoàn thiện hệ thống quản trị và kiên quyết duy trì các giá trị văn hóa cốt lõi của Công ty, đồng thời tập trung tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới dựa trên năng lực kinh doanh chính để chuẩn bị sẵn sàng cho giai đoạn 2020 - 2022.

Kính thưa Quý cổ đông, năm 2020 sẽ lại là một năm cực kỳ thách thức với các doanh nghiệp nói chung và Tasco nói riêng khi kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế chưa thể hiện một kịch bản cụ thể nào vì còn phụ thuộc vào diễn biến phức tạp, khó lường của đại dịch toàn cầu. Tuy nhiên, Chúng tôi đã chuẩn bị những kế hoạch để giữ vững sự ổn định của Công ty trong tâm thế kiên định theo đuổi chiến lược dài hạn, quyết tâm tận dụng các cơ hội có thể để đạt được Kế hoạch sản xuất kinh doanh như đã xây dựng.

Tasco luôn tin tưởng rằng, với những nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ nhân viên, sự đồng hành của Quý cổ đông, Chúng ta sẽ vượt qua khó khăn và dần hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Kính chúc sức khỏe và hạnh phúc đến Quý vị và gia đình.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Quang Dũng



TỔNG QUAN

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tâm Nhìn

Tạo ra không gian cho con người sống, đam mê, sáng tạo và cống hiến.

Sứ Mệnh

Tasco mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà ở, khu đô thị, hạ tầng giao thông hài hoà với thiên nhiên, phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.

Giá Trị Cốt Lõi

- **Cam Kết** Vì mục tiêu phát triển trường tồn không bao giờ được thỏa mãn, không bao giờ chịu lùi bước và làm mọi cách có thể vượt qua thách thức, vì lợi của Khách hàng, Cộng sự, Cổ đông, Cộng đồng địa phương và Môi trường.
- **Tôn trọng** Tasco luôn đề cao các cá nhân và tính đa dạng, lắng nghe để hiểu mọi người, tiếp nhận mọi góp ý hành động với sự tôn trọng và tin tưởng.
- **Hợp tác** Tinh thần hợp tác xuyên suốt trong mọi quan hệ của Tasco, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và tôn trọng cá tính, chia sẻ cơ hội để phát triển Nhóm, Đội, Cá nhân là phương pháp làm việc tốt nhất.
- **Sáng tạo** Sáng tạo để khác biệt hóa sản phẩm là phương thức để tồn tại, vì vậy phải vượt qua thách thức để cải tiến không ngừng.
- **Học tập** Tạo dựng một tổ chức biết học hỏi, bằng việc không ngừng tự phê bình, xem lỗi lầm là những cơ hội để học hỏi, thay vì khiển trách cá nhân.

Nguyên lý kinh doanh

- Xây dựng Tasco vì mục tiêu phát triển trường tồn là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt của các cấp lãnh đạo.
- Không có yếu tố cá nhân trong tổ chức.
- Luôn bảo vệ quyền lợi của Cổ đông trong dài hạn.
- Xây dựng các quy trình nghiệp vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đào tạo những nhà lãnh đạo, nhà quản lý là người hiểu thấu đáo công việc, sống cùng triết lý công ty và huấn luyện được cho cấp dưới.
- Xây dựng các cá nhân và tập thể xuất sắc về việc tuân thủ triết lý của công ty.
- Xây dựng mạng lưới đối tác và nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Giải quyết vấn đề tận gốc rễ bằng cách phải đích thân đi đến và xem xét hiện trường để hiểu tường tận tình hình.
- Không ngừng học hỏi, không ngừng tự phê bình, không ngừng phát huy trí sáng tạo và cải tiến của mọi người.
- Quản trị thông tin để luôn thấu hiểu được tình hình kinh tế vĩ mô trong nước, các nước trong khu vực và thế giới để ra các quyết định đầu tư cho doanh nghiệp.
- Xây dựng đội ngũ làm việc có đẳng cấp là cách duy nhất để Tasco gạt hái được những thành công lớn lao.

CÁC GIẢI THƯỞNG CỦA CÔNG TY VÀ CHỦ TỊCH HĐQT PHẠM QUANG DŨNG



- ✚ Năm 1976 được tặng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng II
- ✚ Năm 1984 được tặng huy chương kháng chiến hạng Nhì
- ✚ Giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2006, 2007.
- ✚ Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen năm 2007, 2010, 2011

- ✚ Cup vàng Thương hiệu nổi tiếng vùng duyên hải miền đồng bằng Bắc Bộ năm 2007 của Hội đồng TW – Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam.
- ✚ Cờ thi đua của Chính phủ năm 2008
- ✚ Năm 2008 được tặng cúp Thánh Gióng doanh nhân tiêu biểu cả nước
- ✚ UBND thành phố Hà Nội tặng cờ thi đua Đơn vị xuất sắc năm 2010.

- ✚ Huân chương lao động hạng III vì những cống hiến cho sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc trong suốt quá trình công tác.
- ✚ Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao năm 2014.
- ✚ Top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất sàn HNX 2016.
- ✚ Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam 2016 (Bảng xếp hạng theo chỉ số CSI 2016).
- ✚ Giấy Khen của Hiệp Hội Phát Triển Văn Hóa DN Việt Nam – Chương Trình Bản Sắc Và Hội Nhập năm 2018
- ✚ Ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tasco được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng III năm 2011, là một trong 24 doanh nhân tiêu biểu được vinh danh tại giải thưởng Ernst & Young năm 2011 và năm 2014 - giải thưởng danh giá cho các doanh nhân xuất sắc của Việt Nam.



I. THÔNG TIN CHUNG:



1. Thông tin Khái quát:

- | | |
|---|---|
| - Tên giao dịch | Công ty Cổ phần Tasco |
| - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số | 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 23 ngày 04 tháng 12 năm 2018 |
| - Vốn điều lệ | 2.686.319.650.000 đồng |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 2.686.319.650.000 đồng |
| - Địa chỉ | Tầng 4, Tòa nhà M5, Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Q.Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam |
| - Số điện thoại | 024. 3773 8558 |
| - Số fax | 024. 3773 8559 |
| - Website | http://www.taric.com.vn |
| - Mã cổ phiếu | HUT |
| - Ngành nghề kinh doanh | <ul style="list-style-type: none">- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;- Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), các công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;- Kinh doanh khai thác công trình kết cấu hạ tầng. |
| - Địa bàn kinh doanh | Hà Nội, Nam Định, Quảng Bình, Hải Phòng, Thái Bình, Ninh Thuận... |

2. Lịch Sử Hình Thành & Phát Triển:

2008

Cổ phiếu của công ty Cổ phần Tasco chính thức niêm yết tại TT.GDCK HN. Trở thành NĐT các dự án hạ tầng giao thông BT, BOT

2007

Chuyển trụ sở từ Nam Định lên Hà Nội. Đổi tên thành Công ty cổ phần Tasco.

2000

Cổ phần hóa lấy tên ông ty Cổ phần XDGT & CSHT Nam Định

1992

Đổi tên thành Công ty Công trình giao thông Nam Hà (Nam Định)

1976

Chính thức thành lập công ty Cầu Hà Nam Ninh

1971

Đội cầu Nam Hà được thành lập – đây là tiền thân của công ty cổ phần Tasco

2019

Vốn điều lệ là 2.686 tỷ đồng; Đầu tư thêm các lĩnh vực mới: Năng lượng tái tạo

2016

Nâng VDL lên 1.763 tỷ đồng; Khu đô thị sinh thái đầu tiên được hoàn thành và bàn giao cho khách hàng (KĐT Xuân Phương); Hệ thống thu phí tự động không dừng được đưa vào hoạt động (VETC)

2015

Chính thức triển khai dự án Foresa Villa và các dự án BĐS khác

2014

Lĩnh vực BĐS trở thành ngành kinh doanh mũi nhọn

2013

Tasco khởi công dự án BOT quốc lộ 1A (đoạn qua Quảng Bình)

2011

Công ty Cổ phần Tasco sử dụng hệ thống nhận diện thương hiệu mới “TARIC”

3. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị bao gồm:

- **Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan quyền lực cao nhất, ra các quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và các quyết định khác theo quy định pháp luật.

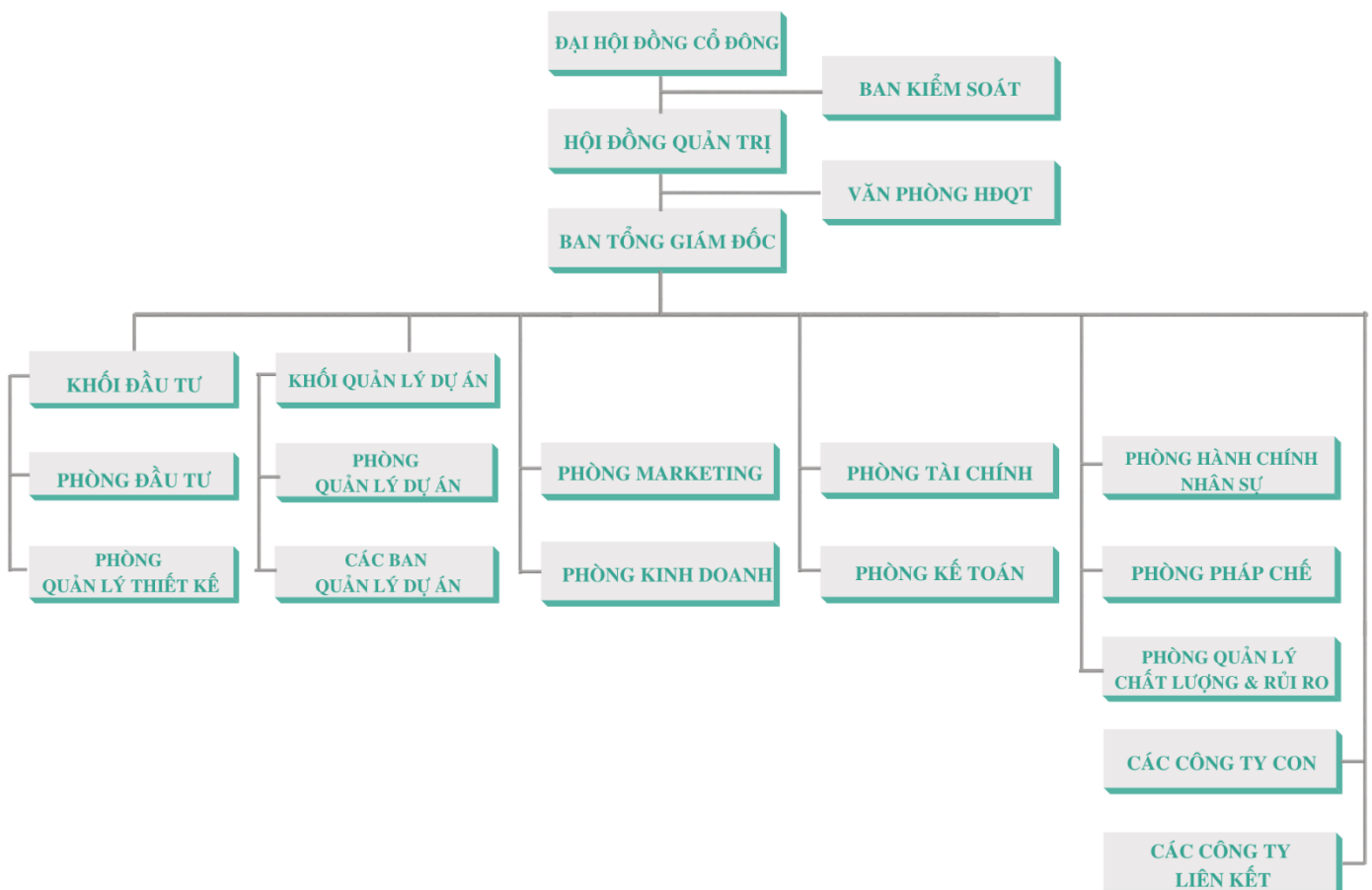
- **Hội đồng Quản trị (HDQT):** Do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị cao nhất, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của ĐHCĐ.

- **Ban Kiểm soát:** Là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra và hoạt động độc lập với HDQT và Ban Giám đốc

- **Ban Tổng Giám đốc:** Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HDQT bổ nhiệm, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Bộ máy hoạt động:** Bao gồm các khối kinh doanh, khối đầu tư, khối quản lý dự án, khối tài chính, khối nội chính, có nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, hoạt động huy động và quản lý vốn, phát triển thương hiệu, các hoạt động nhân sự... bên cạnh đó tham mưu, đề xuất Ban Tổng giám đốc các định hướng phát triển, hoạt động của Công ty.

Sơ đồ tổ chức:



4. Các công ty con, công ty liên kết và các lĩnh vực hoạt động:

TT	Ngành nghề KD và doanh nghiệp thành viên đảm nhiệm	Dự án đảm nhiệm thực hiện hiện nay
Đầu tư bất động sản		
1	Công ty trực tiếp thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Foresa Villa (Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương) - Xuan Phuong Residence (Khu nhà ở VPTW Đảng, Báo nhân dân) - South building (Tòa nhà chung cư Pháp Vân) - Dự án khu đô thị mới Vân Canh (LK22, 24, 25, 26, 03, BT1) - Foresa Mỹ Đình (dự án ĐVO 1) - Dự án căn hộ cao cấp tại 48 Trần Duy Hưng - Dự án xây dựng nhà ở cho cán bộ nhân viên Bộ Ngoại giao. - Dự án văn phòng công ty.
2	Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Kinh doanh bất động sản
Đầu tư dự án hạ tầng giao thông		
1	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Dự án nâng cấp mở rộng QL1 Quảng Bình (BOT Quảng Bình)
2	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới đoạn từ Phủ Lý – thị trấn Mỹ Lộc (BT 21)
3	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Dự án nâng cấp, mở rộng QL 10 đoạn từ Quán Toan đến Cầu Nghìn Hải Phòng (BOT Hải Phòng)
4	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Dự án BT 39 và BOT 39 (Thái Bình)
5	Công ty TNHH MTV Tasco 6	BOT 10, BOT 21, BOT Đông Hưng
6	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	BOT QL 32 Phú Thọ
Xây lắp/dịch vụ /bệnh viện/tư vấn, đào tạo/nông nghiệp/năng lượng		
1	Tổng công ty Thăng Long - CTCP	Cung cấp dịch vụ xây lắp
2	Công ty cổ phần Tasco Thành Công	Cung cấp dịch vụ vận tải, khai thác, nguyên vật liệu xây dựng.
3	Công ty Cổ phần VETC Công ty TNHH thu phí tự động VETC	Cung cấp dịch vụ thu phí, dịch vụ thu phí không dừng (ETC)
4	Công ty TNHH Đào tạo và tư vấn Tasedu	Cung cấp dịch vụ tư vấn, đào tạo
5	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản
6	Công ty TNHH T'Hospital	Cung cấp dịch vụ y tế, bệnh viện
7	Công ty Cổ phần Bệnh viện mắt Hà Nội cơ sở 2	Cung cấp dịch vụ y tế
8	Công ty TNHH An Nhiên Food	Cung cấp sản phẩm nông nghiệp
9	Công ty Cổ phần Tasco Năng lượng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện



BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

5. Ban lãnh đạo:

❖ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



Ông Phạm Quang Dũng
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh : 1954
Quê quán : Hải Hậu – Nam Định
Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ : 26.015.802 cổ phần (Tỷ lệ: 9,68%)

Nếu ví Tasco là một con thuyền thì Chủ tịch Phạm Quang Dũng chính là người thuyền trưởng tài ba. Ông là người doanh nhân hội đủ Tâm – Tâm – Tài, cùng sự đầu đầu của khát vọng làm giàu từ những năm tháng tuổi trẻ và cả sự nung nấu của 15 năm công tác tại đơn vị Nhà nước. Bằng tài năng thiên bẩm, ý chí quật cường và tâm huyết mạnh mẽ, Ông đã vực dậy Công ty Cổ phần Tasco từ những khó khăn của thời gian còn là đơn vị thuộc quản lý nhà nước vươn mình thành một Tasco mạnh mẽ ngày nay.

Nghĩ đến Ông, người ta vừa thấy một Lãnh đạo bình dị và giản dị, điềm đạm và kiên nghị, lại thấy cả vị thế của một Doanh nhân thời đại, cuộn cuộn nổi niềm dựng nghiệp. Nhưng trên tất cả, đó là một trái tim nhân hậu, thuần khiết. Ông chỉ có một tâm nguyện đó là được giúp tất cả những ước mơ muốn khẳng định trở thành hiện thực và đưa Tasco trở thành thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực Bất động sản.



Ông Nguyễn Viết Tân
Phó Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám Đốc

Năm sinh : 1980
Quê quán : Nam Định
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cầu đường
Số cổ phần nắm giữ : 1.072.141 cổ phần (Tỷ lệ: 0,4%)

Ông Nguyễn Viết Tân tốt nghiệp kỹ sư chuyên ngành Xây dựng Đường bộ - Đại học Giao thông Vận Tải Hà Nội.

Chứng chỉ Giám đốc điều hành chuyên nghiệp của Viện Công nghệ Châu Á tại Việt Nam (AIT-VN).

Với bề dày kinh nghiệm cũng như sự am hiểu văn hóa của Tasco, ông Tân được đánh giá là người dám nghĩ - dám làm, có nhiều đường lối phát triển mang tính đột phá, cùng HĐQT Taso định hướng những sản phẩm kinh doanh mang tính chiến lược dài hạn.



Bà Trần Thị Thanh Tân
Thành viên HĐQT

Năm sinh : 1971
Quê quán : Nam Định
Trình độ chuyên môn : Tài chính – đầu tư
Số cổ phần nắm giữ : 3.709.291 cổ phần (Tỷ lệ: 1,38%)

Hơn 20 năm công tác tại Công ty, với sự kiên trì bền bỉ và ước mơ mãnh liệt được vươn xa hơn cùng con thuyền Tasco, bà Tân đã từng bước thành công. Từ một chuyên viên kế toán, sau những năm tháng đồng sức vững lòng với Tasco, vinh danh đã chào đón với vị trí Phó Tổng giám đốc Tài chính rồi đến Ủy viên HĐQT.

Với tâm lòng của một trái tim yêu Tasco, vì Tasco, Bà luôn tâm niệm một điều: mong Tasco sẽ là một thương hiệu mang tầm thế kỷ và những cán bộ làm việc dưới mái nhà này sẽ trở thành những triệu phú của Đất nước.



Bà Trần Hải Yến
Thành viên HĐQT

Năm sinh : 1987
Quê quán : Nam Định
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ : 2.225.600 cổ phần (Tỷ lệ: 0,83%)

Bà Trần Hải Yến có gần 10 năm hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, với bằng tốt nghiệp cử nhân Khoa Kinh Tế Đối Ngoại – Đại học Ngoại Thương Hà Nội, Thạc sỹ Tài chính tại CFVG. Bằng các kinh nghiệm sâu rộng, bà Trần Hải Yến cùng đồng sự đang tập trung đưa Tasco theo đuổi một chiến lược tài chính vững mạnh và phát triển bền vững.

Bà Trần Hải Yến cũng là gương mặt trẻ nhất trong HĐQT của Tasco và được kỳ vọng sẽ tạo ra nhiều bứt phá mới cho công ty.



Bà Phạm Thị Chi
Thành Viên HĐQT

Năm sinh : 1980
Quê quán : Hải Phòng, Hải Hậu, Nam Định
Trình độ chuyên môn : Luật
Số cổ phần nắm giữ : 2.105.118 cổ phần (Tỷ lệ: 0,78%)

Tốt nghiệp Cử nhân Luật, bà Phạm Thị Chi đã trải qua nhiều năm kinh nghiệm làm chuyên viên pháp lý, giám đốc cho các tổ chức, cơ quan nhà nước, công ty lớn trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Tasco. Với năng lực, sự nhạy bén và nhiệt huyết, bà Phạm Thị Chi đã được Hội đồng quản trị công ty Tasco tin tưởng và bổ nhiệm làm Ủy viên HĐQT từ năm 2015. Bà Chi luôn tập trung chí hướng phần đầu trở thành một thành viên ưu tú trong đội ngũ lãnh đạo thứ 2 của Tasco.



Bà Đỗ Thanh Hương

Thành Viên HĐQT
độc lập

Năm sinh : 1964
Quê quán : Hà Nội
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD
Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Bà Hương có hơn 20 năm kinh nghiệm đảm nhận nhiều vị trí quản lý cao cấp ngành tài chính, đầu tư tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước như: Trưởng đại diện của Tập đoàn bảo hiểm AXA (Pháp) tại Hà Nội, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội kiêm Giám đốc Phân tích và Tư vấn đầu tư Công ty chứng khoán Sài Gòn (SSI), Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA... Bà là người xây dựng thành công đội ngũ Phân tích và Tư vấn đầu tư đầu tiên trên Thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bà đã làm thành viên Hội đồng quản trị tại một số doanh nghiệp niêm yết (VND, IPA, SDU, Vikoda...), Bà nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thực hành các nguyên tắc tốt nhất trong quản trị doanh nghiệp.

Đến với Tasco với vai trò thành viên Hội đồng quản trị độc lập, bà Hương tiếp tục khẳng định năng lực lãnh đạo của mình, sát cánh cùng những thành viên Hội đồng quản trị xây dựng Tasco phát triển, quản trị doanh nghiệp minh bạch và hiệu quả, hướng tới sự ủng hộ, tin tưởng của các Cổ đông và Nhà đầu tư

Bà là Thạc sỹ QTKD trường Solvey Business School – ULB – Vương quốc Bỉ



❖ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY



Ông Nguyễn Đình Siêu
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh : 1970
Nguyên quán : Hà Nội
Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư
Số cổ phần nắm giữ : 239.440 cổ phần (Tỷ lệ: 0,09%)

Xuất phát điểm là tư vấn giám sát của chủ đầu tư Công ty LD Quốc tế Hồ Tây. Sau đó, với những nỗ lực của mình, Ông trở thành Giám đốc Công ty CP Thương Mại Đầu tư tổng hợp và hợp tác Quốc tế GELEXIM – Chi nhánh Hà Nội.

Bắt đầu gia nhập công ty Tasco từ năm 2010 với vị trí chuyên viên Phòng quản lý dự án.

Với kiến thức, kinh nghiệm, năng lực và sự nhiệt huyết của mình, ông Siêu đã thuyết phục được ban lãnh đạo công ty tin tưởng và bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc phòng Quản lý dự án. Ông Siêu nắm giữ chức vụ Phó TGD khối Quản lý dự án từ năm 2012 đến nay.



Ông Khuất Trung Thắng
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh : 1974
Nguyên quán : Hà Nội
Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Xây Dựng
Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Ông Khuất Trung Thắng gia nhập Tasco từ năm 2016 và hiện đảm nhiệm vị trí Phó TGD khối Đầu tư. Ông Khuất Trung Thắng tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng – Trường Đại học Xây dựng Hà Nội và là chuyên gia có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng các dự án Bất động sản. Trước khi làm việc tại Tasco, ông Thắng là Ủy Viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty CP Đầu tư phát triển nhà HUD2 - Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD). Với kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, ông Thắng được kỳ vọng sẽ góp phần đưa lĩnh vực Bất động sản của Công ty phát triển vững chắc, chuyên nghiệp.

6. Định hướng phát triển:

Trong suốt gần 50 năm kể từ khi thành lập, Công ty cổ phần Tasco luôn hoạt động với tâm niệm vì sự bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích của các cổ đông. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty dựa trên những nền tảng quan trọng sau đây:



Hiện nay Công ty cổ phần Tasco đang hoạt động và phát triển trên 4 lĩnh vực chính:



BẤT ĐỘNG SẢN

Lấy năng lực lõi là chủ đầu tư các dự án Hạ tầng giao thông để đầu tư Bất động sản theo hình thức đổi đất lấy hạ tầng.



CÔNG NGHỆ

Đầu tư hệ thống thu phí tự động không dừng trên toàn quốc và mở rộng phát triển công nghệ thu phí sang lĩnh vực khác: như bãi đỗ xe, thu phí nội đô, vé điện tử xe bus, tàu điện trên cao,...



NĂNG LƯỢNG

Phát triển thị trường lĩnh vực Năng lượng theo các loại hình sản phẩm điện mặt trời, điện gió tại các địa bàn có lợi thế về điều kiện tự nhiên.



HẠ TẦNG GIAO THÔNG

Phát triển thị trường lĩnh vực thầu xây lắp theo các loại hình sản phẩm về Hạ tầng: Cầu, đường, thủy lợi, bến cảng, sân bay, hầm, metro, đường sắt.

7. Các nhân tố rủi ro:

a) **Rủi ro về kinh tế:**

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Là một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế, doanh nghiệp cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Đối với ngành kinh doanh bất động sản, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một nhân tố quyết định quan trọng. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh và ổn định sẽ kéo theo nhu cầu nhà ở, thuê văn phòng... gia tăng, và ngược lại, nền kinh tế tăng trưởng yếu, trì trệ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành bất động sản, đầu tư xây dựng. Do đó, việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản nói riêng, trong đó có Công ty

b) **Rủi ro về lãi suất:**

Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Thị trường tiền tệ nói chung và lãi suất thị trường đã có dấu hiệu ổn định sẽ là yếu tố làm giảm chi phí vốn và rủi ro lãi suất của Công ty trong thời gian tới.

c) **Rủi ro về luật pháp**

Hoạt động của Công ty Cổ phần Tasco chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, các văn bản dưới luật như Nghị định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định về Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định về Đầu tư tư hợp tác công tư..... Mặt khác, do đã là công ty đại chúng và có cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Hiện nay, hệ thống luật pháp đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi. Để tạo ra một hành lang pháp lý thuận lợi, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ Quốc tế trong quá trình hội nhập, Quốc hội đã ban hành nhiều bộ luật mới. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã xây dựng chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt hạ tầng giao thông. Với hệ thống pháp luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán, sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động xây dựng như TASCOS nói riêng. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp sự thay đổi của hệ thống pháp luật thì có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

1. Tổng quan tình hình tài chính công ty:

a. Tình hình tài sản/nguồn vốn:

Đơn vị tính: Triệu đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			TĂNG TRƯỞNG NĂM 2019	
Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Giá trị	Tỷ lệ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.117.560	2.311.131	193.571	9,14%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	142.527	146.077	3.550	2,49%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.400	61.404	1.004	1,66%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.667.039	1.851.736	184.697	11,08%
IV. Hàng tồn kho	78.661	38.274	(40.387)	-51,34%
V. Tài sản ngắn hạn khác	168.934	213.640	44.707	26,46%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	8.713.540	8.706.869	(6.671)	-0,08%
I. Các khoản phải thu dài hạn	227.542	142.934	(84.608)	-37,18%
II. Tài sản cố định	2.913.207	5.762.835	2.849.628	97,82%
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	4.764.734	1.800.048	(2.964.687)	-62,22%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	483.788	500.165	16.377	3,39%
VI. Tài sản dài hạn khác	323.240	499.985	176.745	54,68%
VII. Lợi thế thương mại	1.028	902	(126)	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	10.831.100	11.018.000	186.900	1,73%
C - NỢ PHẢI TRẢ	7.666.896	7.803.075	136.178	1,78%
I. Nợ ngắn hạn	1.656.528	1.659.284	2.756	0,17%
II. Nợ dài hạn	6.010.368	6.143.791	133.423	2,22%
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.164.204	3.214.926	50.722	1,60%
I. Vốn chủ sở hữu	3.164.204	3.214.926	50.722	1,60%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	10.831.100	11.018.000	186.900	1,73%

b. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH			TĂNG TRƯỞNG NĂM 2019	
CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2019	Giá trị	Tỷ lệ
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.136.300	1.107.222	(29.078)	-2,56%
2. Giá vốn hàng bán	824.462	764.741	(59.721)	-7,24%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	311.838	342.481	30.643	9,83%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	99.074	104.740	5.666	5,72%
5. Chi phí tài chính	142.135	257.193	115.058	80,95%
6. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	2.266	12.859	10.593	467,49%
7. Chi phí bán hàng	33.609	15.021	(18.588)	-55,31%
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	147.091	112.326	(34.765)	-23,63%
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	90.342	75.540	(14.802)	-16,38%
10. Lợi nhuận khác	3.746	(2.656)	(6.402)	-170,92%
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	94.088	72.884	(21.204)	-22,54%
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.407	28.222	(186)	-0,65%
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	65.680	44.662	(21.018)	-32,00%
14. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	77.236	53.588	(23.648)	-30,62%
15. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	306	212	(94)	-30,76%

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2019			So với năm 2018
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ đạt kế hoạch (%)	
1	Tổng doanh thu	1.300.000	1.108.269	85,25%	97,44%
2	Lợi nhuận sau thuế	72.000	53.588	74,43%	69,38%

Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực trong công tác bán hàng và thực hiện đầu tư tại các dự án để hoàn thành và bàn giao cho khách hàng. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2019 bằng 85,25% so với kế hoạch năm và bằng 97,44% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế bằng 74,43% kế hoạch năm và bằng 69,38% so với năm 2018.

Mặc dù đã nỗ lực hết sức nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 không đạt so với Kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua là do:

- **Dự án VETC chậm tiến độ so với kế hoạch**

Sau hơn 1 năm kể từ có VB chỉ đạo số 1317/TTg-CN của Chính Phủ và Quyết định số 136/QĐ-BGTVT của Bộ GTVT, dù có chỉ đạo quyết liệt nhưng đến nay Công ty VETC mới ký được 15/44 trạm hợp đồng cung cấp dịch vụ thu phí tự động theo nội dung chỉ đạo của các văn bản nêu trên, 29/44 trạm còn lại ký được PLHĐ/HĐDV, cụ thể như sau:

Các khó khăn và vướng mắc khi thực hiện dự án:

+ Một số Nhà đầu tư BOT có trạm ở cửa ngõ các thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh chưa triển khai đầu tư hệ thống thu phí không dừng để kết nối với Trung tâm dữ liệu của Công ty VETC, đặc biệt là các trạm cao tốc;

+ Nhiều Nhà đầu tư BOT chưa ký hợp đồng dịch vụ theo định hướng chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải với rất nhiều lý do khác nhau;

+ Một số Nhà đầu tư BOT không bàn giao làn thu phí để Công ty VETC thực hiện đầu tư hệ thống thu phí không dừng;

+ Một số Nhà đầu tư BOT chậm bàn giao công tác tổ chức thu phí tại trạm để Công ty VETC tổ chức thu phí không dừng.

+ Một số Nhà đầu tư BOT không trả phí dịch vụ cho Công ty VETC mặc dù trạm đã hoàn thành đầu tư và thực hiện nghiệm thu với BGTVT theo quy định.

Như vậy, việc ký kết hợp đồng/phụ lục hợp đồng dịch vụ trích doanh thu và công tác triển khai thi công và đầu tư lắp đặt hệ thống thu phí tự động tại các trạm BOT còn gặp nhiều khó khăn không đạt tiến độ, dẫn đến doanh thu của Dự án thiếu hụt, chỉ đạt 21% theo PATC điều chỉnh đã ký theo PLHĐ BOO, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả của dự án và tình hình tài chính của Công ty.

- **Dự án BOT Đông Hưng chậm tiến độ so với kế hoạch:**

Thủ tục điều chỉnh hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và thống nhất vị trí đặt trạm với cơ

quan Nhà nước có thẩm quyền bị chậm và kéo dài, theo đó đã ảnh hưởng đến tiến độ thi công lắp đặt hệ thống thu phí tự động không dừng và tổ chức thu phí. Đến nay đã cơ bản thi công xong, đang thực hiện công tác lắp đặt thiết bị thu phí không dừng và hoàn tất các thủ tục còn lại để có thể triển khai thu phí từ tháng 7/2020.

- Dự án Vân Canh còn nhiều vướng mắc trong công tác bàn giao nhà do HUD chưa đầu tư hạ tầng kỹ thuật (đặc biệt là cấp điện và cấp nước) xung quanh các ô đất do Công ty là chủ đầu tư cấp 2.

Tuy nhiên, trong năm 2019, Công ty đã thực hiện được rất nhiều công việc khác trong năm như:

- Tổ chức thu phí thành công dự án BOT Hải Phòng và BOT Mỹ Lộc và duy trì hoạt động thu phí ổn định, an toàn trên tất cả các trạm BOT của Công ty.
- Hoàn thiện hồ sơ và xử lý các vấn đề còn tồn đọng ở các dự án của Công ty.
- Triển khai thủ tục nghiên cứu cơ hội đầu tư điện gió tại Gia Lai và Phú Yên, dự án Bất động sản ở Phú Yên...
- Tiếp tục sắp xếp lại bộ máy quản lý điều hành theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, theo thực tế và đáp ứng nhu cầu công việc, nâng cao năng suất lao động.
- rà soát, hoạch định lại toàn bộ hệ thống quy chế, quy trình của Công ty, đảm bảo hệ thống được vận hành, quản lý, giám sát một cách hiệu quả.

Thực hiện chế độ công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật, xử lý tốt các khủng hoảng truyền thông...

3. Tình hình tài chính của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản/Tổng nguồn vốn	10.831.100	11.018.000	1,7%
Tài sản ngắn hạn	2.117.560	2.311.131	9,1%
Tài sản dài hạn	8.713.540	8.706.869	-0,1%
Nợ phải trả	7.666.896	7.803.075	1,8%
Doanh thu thuần	1.136.300	1.107.222	-2,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	90.342	75.540	-16,4%
Lợi nhuận khác	3.746	(2.656)	-170,9%
Lợi nhuận trước thuế	94.088	72.884	-22,5%
Lợi nhuận sau thuế	65.680	44.662	-32,0%
Tỷ lệ trả cổ tức	0%	0%	

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty năm 2019 là 11.018.000 triệu đồng, tăng 1,7% so với năm 2018. Tỷ lệ tăng trưởng thấp do trong năm 2019 Công ty chưa triển khai, đầu tư mở rộng.

Nợ phải trả của công ty năm 2019 tăng 136.178 triệu đồng so với năm 2018 tương đương tăng 1,8%. Năm 2019 chưa có tăng trưởng lớn về tổng nguồn vốn cũng như nợ phải trả.

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đã xin thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 việc không chi trả cổ tức năm 2018.

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,28	1,39
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,23	1,37
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,71	0,71
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,42	2,43
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK BQ)	34,37	13,08
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,10	0,10
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	5,78%	4,03%
- Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH bình quân (%)	2,08%	1,39%
- Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản (%)	0,61%	0,41%
- Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần (%)	7,95%	6,82%

5. Tổ chức và nhân sự

5.1. Danh sách Ban điều hành: (xem tại trang 11 -15)

5.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông Nguyễn Văn Dưỡng : Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc theo quyết định số 17/2019/QĐ-HĐQT TASCOTASCO ngày 01/10/2019

Ông Nguyễn Viết Tân : Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc theo quyết định số 18/2019/QĐ-HĐQT ngày 01/10/2019

5.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

5.3.1. Số lượng cán bộ nhân viên:

Số lượng lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 73 người, trong đó:

- Phân theo trình độ
 - + Trên đại học : 08
 - + Đại học : 55
 - + Cao đẳng, trung cấp : 3
 - + Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông: 7
- Phân theo chức năng
 - + Lao động gián tiếp : 36
 - + Lao động trực tiếp : 37

5.3.2. Chính sách đối với người lao động:

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng và thực hiện chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.

- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.

- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.

- Có chính sách đãi ngộ thu hút lao động giỏi, phù hợp về Công ty và chính sách khuyến khích CBCNV gắn bó, làm việc lâu dài tại Công ty như: chính sách thăm quan du lịch cho CBCNV, chính sách chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ, chính sách nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ...

- Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn và khuyến khích, động viên tinh thần người lao động như: Tết thiếu nhi, tết trung thu, kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; thưởng cho con em CBCNV đạt thành tích cao trong học tập;...

- Nhằm nâng cao tinh thần làm việc và trách nhiệm với xã hội công ty còn định kỳ tổ chức Teambuilding, phối hợp với các tổ chức đoàn thể để tham gia các hoạt động từ thiện

- Hàng năm, Công ty cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

- Công ty xây dựng chính sách đào tạo cho riêng từng cấp: cho cấp quản lý và cho nhân viên, điều này chứng tỏ Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cũng chính là tạo điều kiện và cơ hội cho toàn thể CBNV của mình phát huy năng lực, khẳng định bản lĩnh của cá nhân trong xu thế phát triển của Công ty.

6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2019, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh; tập trung vào một số việc như sau:

- Phân công trách nhiệm và phân định rõ quyền và phương pháp trao đổi, phối hợp giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị.

- Vận hành hệ thống Kế hoạch - Báo cáo toàn Công ty; áp dụng và duy trì Hệ thống KPI trong toàn hệ thống gắn kết giữa mục tiêu từ Công ty - các khối - các phòng - ban và từng CBNV Công ty.

- Xây dựng kế hoạch công việc, xác lập và đánh giá mục tiêu của từng bộ phận theo từng tháng, quý, kiểm soát tiến độ của các công việc trọng yếu.

- Thường xuyên, liên tục rà soát kế hoạch tài chính, kế hoạch dòng tiền nhằm cân đối tài chính trong điều kiện nguồn vốn khó khăn, đảm bảo dòng tiền phục vụ cho SXKD, chi trả nợ vay ngân hàng.

- Công tác phát triển nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân sự kế thừa của Công ty.

- Tiếp tục triển khai dự án tư vấn của Công ty TNHH KPMG nhằm nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ và đưa hệ thống quản trị rủi ro vào áp dụng nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh và bảo toàn vốn cho cổ đông

- Duy trì hệ thống các quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015

- Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, trung thực theo đúng quy định của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCKNN. Bên cạnh đó, đẩy mạnh và chú trọng công tác Quan hệ cổ đông, thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư, các nhà môi giới, chuyên gia phân tích của các công ty chứng khoán.

7. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

- ❖ CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN
- ❖ CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG GIAO THÔNG
- ❖ DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THU PHÍ TỰ ĐỘNG KHÔNG DỪNG
- ❖ CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG



CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN



- **Vị trí:** Phường Xuân Phương, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội
- **Diện tích:** 38ha
- **Quy mô:** 813 căn nhà ở thấp tầng (biệt thự đơn lập, song lập, nhà liền kề, nhà shop-house)
- **TMĐT:** 2.850 tỷ đồng
- **Chức năng:** Foresa Villa tọa lạc tại trung tâm quận Nam Từ Liêm, là khu đô thị sinh thái đầu tiên tại Hà Nội mang lại cảm xúc thiên nhiên xanh tựa “Rừng Trong Phố”, với công viên trung tâm rộng hơn 4ha, mật độ xây dựng thấp 30%, cùng diện tích cây xanh mặt nước rộng lớn. Cư dân Foresa không chỉ tận hưởng không gian xanh trong lành mà còn hưởng lợi từ hệ thống hạ tầng hoàn thiện và các tiện ích nội khu thuận lợi.
- **Tiến độ bán hàng:** Đã bán được 535/813 căn (278 căn còn lại là của nhà đầu tư thứ cấp), hiện đã bàn giao toàn bộ cho khách hàng.



- **Vị trí:** P.Xuân Phương – Q.Nam Từ Liêm – TP.Hà Nội
- **Diện tích:** 3,95 ha
- **Quy mô:** 6 tòa chung cư cao 17 tầng, 126 căn nhà liền kề
- **TMBT:** 1.100 tỷ đồng
- **Chức năng:** Nhà ở thấp tầng và nhà ở chung cư cao tầng. Tiện ích: khu vui chơi ngoài trời cho trẻ em vào các khoảng xanh công viên nhỏ, bố trí đan xen giữa các tòa nhà mang đến cảnh quan đẹp, môi trường sống nhẹ nhàng, thanh bình, là nơi các cư dân thoải mái bước dạo chơi sau một ngày làm việc mệt mỏi.
- **Công tác bán hàng của dự án:**
 - Nhà cao tầng:
 - Lô 3 (gồm 2 tòa E, F) cao 17 tầng, trong đó phần của Tasco được kinh doanh là 4 tầng của mỗi tòa (từ tầng 14-17): Đã bán và bàn giao cho khách hàng được 234/234 căn.
 - Lô 1,2 (gồm 4 tòa A,B,C,D) cao 17 tầng, trong đó phần của Tasco được kinh doanh là 4 tầng của mỗi tòa (từ tầng 14-17): Đã bán và bàn giao cho toàn bộ khách hàng 408/408 căn.
 - Hiện còn 02 sàn thương mại là chưa thực hiện kinh doanh.
 - Nhà thấp tầng: Đã thực hiện bán và bàn giao cho khách hàng được 126/126 căn.



CHUNG CƯ SOUTH BUILDING

- **Vị trí:** Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Q.Hoàng Mai, TP.Hà Nội
- **Diện tích:** 2.173 m²
- **Quy mô:** Tòa nhà cao 16 tầng
- **TMBĐT:** 211 tỷ đồng
- **Chức năng:** Có chức năng hỗn hợp gồm văn phòng, TMDV và căn hộ chung cư
- **Tiện ích:** tòa nhà duy nhất sở hữu 2 tầng hầm rộng, bao gồm nhà trẻ, văn phòng, khu dịch vụ thuận tiện. Bên cạnh đó cư dân sinh sống sẽ được hưởng lợi từ không gian trong lành từ công viên Yên Sở.
- **Tiến độ bán hàng:** Đã bán và bàn giao cho khách hàng được 140/140 căn và 2 sàn thương mại.



KHU ĐÔ THỊ FORESA MỸ ĐÌNH

- **Vị trí:** P. Xuân Phương – Q.Nam Từ Liêm – TP.Hà Nội
- **Diện tích:** 49ha
- **Quy mô:** 660 căn hộ thấp tầng (biệt thự đơn lập, song lập, nhà liền kề, nhà shop-house)
- **TMDT:** dự kiến 3.500 tỷ đồng
- **Chức năng:** Khu đô thị sinh thái bao gồm các tiện ích kèm theo như: nhà trẻ, trường tiểu học, khu trung tâm thương mại dịch vụ, nhiều cây xanh, khu công viên công cộng... mang tới cho cư dân một cuộc sống hoàn hảo, tiện nghi và lãng mạn, đồng thời tạo nên những điểm nhấn khác biệt.
- **Tiến độ dự án:** Dự án đã được phê duyệt quy hoạch 1/500 và được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận làm chủ đầu tư dự án. Hiện dự án đang trong quá trình giải phóng mặt bằng cũng như hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai đầu tư dự án.



DỰ ÁN 48 TRẦN DUY HÙNG



- **Vị trí:** P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- **Diện tích:** 2.800m²
- **Quy mô:** Tòa nhà cao 25 tầng
- **TMDT:** 700 tỷ đồng
- **Chức năng:** Khu căn hộ cao cấp kết hợp văn phòng cho thuê, Tòa nhà 48 Trần Duy Hùng là dự án căn hộ cao cấp kết hợp văn phòng cho thuê giữa trung tâm thành phố Hà Nội. Với lợi thế vị trí và hạ tầng kết nối hoàn hảo, dự án được kỳ vọng sẽ đem lại một điểm nhấn mới và là sự lựa chọn của nhiều khách hàng, doanh nghiệp.

Hiện công ty đang tập trung công tác GPMB cũng như hoàn thiện các thủ tục pháp lý của dự án để triển khai đầu tư dự án.

DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ Ở CHO CBNV BỘ NGOẠI GIAO



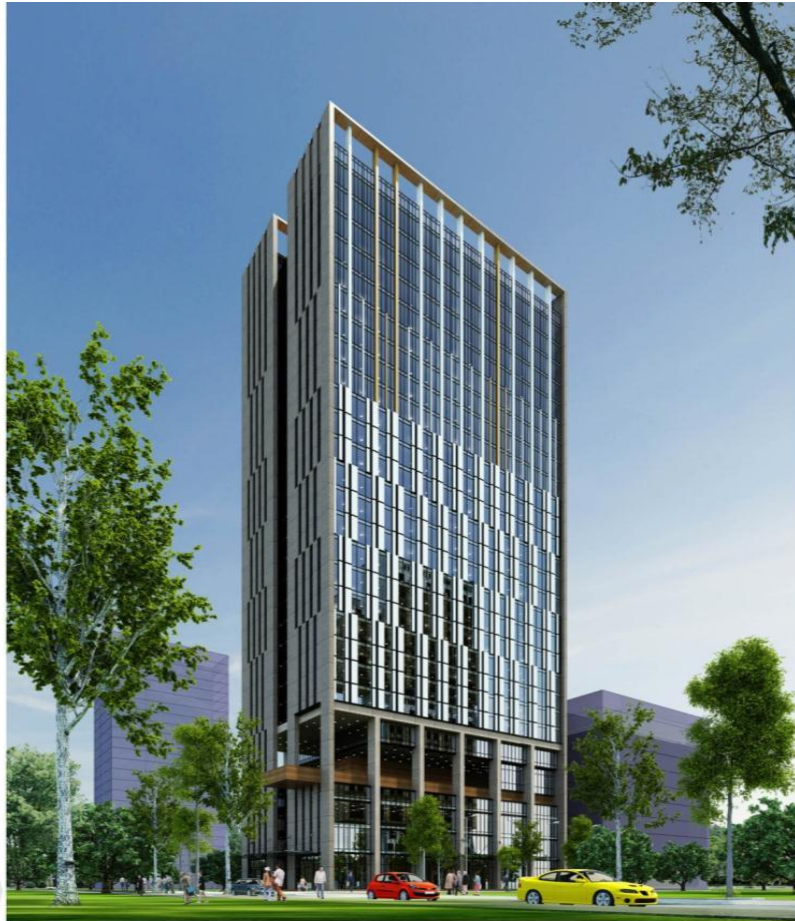
- **Vị trí:** Đường Trần Quốc Hoàn, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội
- **Diện tích:** 13.687 m²
- **Quy mô:** 02 tòa bao gồm 4 đơn nguyên 810 căn hộ, có chiều cao từ 33 - 35 tầng
- **TMDT:** 2.366 tỷ đồng
- **Chức năng:** Với thiết kế hiện đại và vị trí trung tâm, dự án Nhà ở cho CBNV Bộ Ngoại Giao gây ấn tượng cho khách hàng bằng tiện ích hoàn hảo với khu shop house sầm uất, bể bơi, phòng gym, khu sinh hoạt cộng đồng trên cao và sân chơi trẻ em...

Hiện nay công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan nhà nước để có thể triển đầu tư dự án.

Lợi nhuận gộp của dự án là 12%/tổng mức đầu tư

DỰ ÁN TÒA NHÀ VĂN PHÒNG TASCO

- **Vị trí:** P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội
- **Diện tích:** 2.800m²
- **Quy mô:** 28 tầng, là tổ hợp khách sạn, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại, không gian sinh hoạt cộng đồng và office-tel
- **TMĐT:** 700 tỷ đồng
- **Chức năng:** Tòa nhà Tasco tọa lạc tại đường Dương Đình Nghệ - trung tâm đô thị mới của quận Cầu Giấy, với các chức năng thương mại được thiết kế hài hòa nhằm tối ưu hóa công năng sử dụng và tận dụng tầm nhìn trên cao hướng ra bốn phía thành phố.
- **Tiến độ dự án:** Hiện công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để triển khai thực hiện đầu tư dự án



CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG GIAO THÔNG



DỰ ÁN THU PHÍ TỰ ĐỘNG KHÔNG DỪNG (HỢP ĐỒNG BOO)



DỰ ÁN CẢI TẠO, NANG CẤP QUỐC LỘ 10 ĐOẠN QUA TP. HẢI PHÒNG (HỢP ĐỒNG BOT)



DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG BỘ MỚI ĐOẠN PHỦ LÝ - MỸ LỘC



DỰ ÁN CẢI TẠO, NANG CẤP QUỐC LỘ 10 ĐOẠN QUA TỈNH THÁI BÌNH (HỢP ĐỒNG BOT)



DỰ ÁN XÂY DỰNG CẢI TẠO, NANG CẤP QUỐC LỘ 1 (HỢP ĐỒNG BOT)



DỰ ÁN XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG TỪ ĐƯỜNG LE ĐỨC THỌ ĐẾN ĐƯỜNG 70 (HỢP ĐỒNG BT)



DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NANG CẤP ĐƯỜNG TỈNH 39B THÁI BÌNH (HỢP ĐỒNG BT)

Dự Án BOT Quảng Bình (Nâng Cấp Mở Rộng QL1)



- **Quy mô dự án:** Tiêu chuẩn đường phố chính đô thị thứ yếu + Đường cấp III đồng bằng
- **Tổng mức đầu tư dự án:** 1.983 tỷ đồng
- **Thời gian hoàn vốn dự kiến của dự án:** 21 năm 9 tháng tính từ tháng 7/2015.

Dự Án BOT Quốc Lộ 10 (Quán Toan – Cầu Ngàn)

- **Tổng mức đầu tư dự án:** 2.815 tỷ đồng
- **Quy mô đường:** phố chính đô thị thứ yếu + Đường cấp III đồng bằng
- **Thời gian hoàn vốn dự kiến của dự án:** 14 năm 11 tháng
- **Tiến độ dự án:** Đã hoàn thành toàn bộ dự án và đưa vào sử dụng tháng 3/2018. Hiện nhà đầu tư đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý và bắt đầu thu phí hoàn vốn cho dự án từ ngày 04/01/2019



Dự Án BOT tuyến tránh Đông Hưng- Thái Bình



- **Tổng mức đầu tư dự án:** 434 tỷ đồng
- **Quy mô đường:** cấp II đồng bằng
- **Tiến độ dự án:** đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 5/2018. Hiện nhà đầu tư đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về trạm thu phí cũng như triển khai đầu tư trạm thu phí tại dự án để thực hiện thu phí hoàn vốn cho dự án, dự kiến vào tháng 7/2020
- **Thời gian thu phí hoàn vốn dự kiến:** 7 năm 7 tháng

Dự Án BOT 21 (Tuyến Đường Tránh Nam Định)

- **Tổng mức đầu tư dự án:** 487 tỷ đồng
- **Quy mô đường:** đường phố chính đô thị
- **Thời gian hoàn vốn dự án:** 18,5 năm tính từ tháng 8/2009 đến tháng 12/2027.
- Tháng 7/2018 tạm dừng thu phí, đã thực hiện thu lại sau khi điều chỉnh giá phí từ 20/03/2019.



Dự án BOT 39 (Thanh Nê, Diêm Điền, Thái Bình)



- **Quy mô dự án:** Tổng chiều dài toàn tuyến: 16,62Km.
- **Tổng mức đầu tư dự án:** 550 tỷ đồng
- **Thời gian hoàn vốn dự kiến của dự án:** 18 năm tính từ 1/1/2017

Dự Án BT 21 (Phủ Lý – Mỹ Lộc)

- **Tổng mức đầu tư dự án:** 3.800 tỷ đồng
- **Quy mô đường:** phố chính đô thị + Đường cấp III đồng bằng
- **Thời gian thực hiện:** 2010-2014
- **Giá trị quyết toán:** 3.761 tỷ đồng



Dự Án BT 39 Thanh Nê, Diêm Điền, Thái Bình



- **Tổng mức đầu tư dự án:** 1.882 tỷ đồng
- **Quy mô đường:** cấp III đồng bằng
- **Thời gian thực hiện:** 2010-2015
- **Tiến độ thực hiện dự án:** Hiện dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng
- **Giá trị dự kiến quyết toán:** 1.759 tỷ đồng

Dự Án BT Lê Đức Thọ (Đoạn từ đường Lê Đức Thọ đến Đường 70)

- Tổng mức đầu tư dự án: 1.543 tỷ đồng
- Tổng chiều dài toàn tuyến: 3,5 km; Quy mô đường đô thị.
- Tiến độ dự án: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng từ 28/4/2017.
- Các dự án đối ứng để hoàn vốn cho dự án:
 - Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương (Foresa Villa)
 - Dự án tòa nhà 48 Trần Duy Hưng
 - Đơn vị ở 1 (Foresa Mỹ Đình)





ĐỰ ÁN THU PHÍ KHÔNG DỪNG THEO HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG BOO

Công ty cổ phần VETC – Công ty con của Tasco, được thành lập với mục tiêu trở thành nhà đầu tư và vận hành hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC) trên nền tảng công nghệ RFID (của Mỹ). Mong muốn của VETC là mang đến giải pháp thu phí ứng dụng công nghệ hiện đại góp phần tăng tốc sự phát triển chung của lĩnh vực Giao thông Vận tải nói riêng và nền kinh tế nói chung.

LỢI ÍCH CỦA DỊCH VỤ

Nhà nước



Xây dựng được cơ sở dữ liệu quốc gia về giao thông

Chủ phương tiện



Tiết kiệm thời gian
Tiết kiệm nhiên liệu
Tăng tuổi thọ xe

Nhà đầu tư BOT



Tránh thất thoát



Tiết kiệm chi phí xây dựng trạm



Tiết kiệm nhân sự trạm thu phí



Tiết kiệm chi phí in vé giấy

Xã hội



Giảm ùn tắc



Giảm ô nhiễm



Giảm tai nạn (20%)



Giảm thanh toán bằng tiền mặt

TIẾT KIỂM ÍT NHẤT

3.400



tỷ
đồng/năm

Tổng lợi ích kinh tế - xã hội mà hệ thống thu phí tự động đường bộ VETC mang lại cho Việt Nam



Theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải, phạm vi dự án bao gồm 605 làn/44 Trạm thu phí (TTP) thời gian thực hiện chia thành 2 giai đoạn, trong đó: VETC thực hiện đầu tư lắp đặt là 187 làn/27 trạm; Nhà đầu tư BOT lắp đặt và kết nối Back-End là 418 làn/17 trạm.

Tình hình thực hiện cụ thể như sau:

1. Kết quả thực hiện công tác đầu tư:

1.1 Kế hoạch thực hiện Giai đoạn 1: gồm 25 TTP thuộc trách nhiệm đầu tư của VETC và 01 TTP kết nối do Nhà đầu tư BOT thực hiện đầu tư:

a) Trong tổng số 25 trạm thuộc trách nhiệm đầu tư của Công ty VETC, chúng tôi đã nỗ lực huy động nhân lực và đạt kết quả như sau:

✓ 23 trạm đã thực hiện đầu tư và vận hành thu phí không dừng, trong đó:

• 12 trạm đầu tư xong toàn bộ các làn (Bắc Ninh, Bến Thủy 1, Quảng Bình, Quán Hàu, Đông Hà, Phú Bài, Hòa Phước, Tam Kỳ, Cầu Đồng Nai, Gia Lai 1, Gia Lai 2, Đak Nông);

- 11 trạm chưa đầu tư xong toàn bộ các làn, cụ thể: 02 trạm xong 4/6 làn (Bến Thủy 2, Tư Nghĩa); 01 trạm xong 4/8 làn (Hoàng Mai) và 08 trạm xong 2/6 làn (Phước Tượng, Cam Thịnh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Bình Thuận, Bắc Bình Định, Nam Bình Định).

- ✓ 02 trạm (Tào Xuyên và Cai Lậy – Tiền Giang) đang tạm dừng thu phí nên Công ty VETC chưa có đủ điều kiện để thực hiện đầu tư.

- b) Đối với 01 trạm kết nối do Nhà đầu tư BOT thực hiện đầu tư: Công ty VETC và Nhà đầu tư BOT đã thực hiện kết nối hệ thống, chạy vận hành từ tháng 11/2019.

- **Như vậy, đối với các trạm thu phí thuộc giai đoạn 1 về cơ bản là tất cả các trạm đều đã được đưa vào vận hành thu phí không dừng (trừ 02 trạm đang tạm dừng thu phí).**

1.2 Kế hoạch thực hiện Giai đoạn 2: gồm 2 TTP thuộc trách nhiệm của VETC và 16 TTP kết nối do Nhà đầu tư BOT thực hiện đầu tư và bổ sung 33 làn thuộc 05 trạm của giai đoạn 1:

- a) 02 trạm thuộc trách nhiệm đầu tư của Công ty VETC (trạm Cầu Hạc Trì và trạm Đại Yên): đã đầu tư xong 4/10 làn trạm Đại Yên và dự kiến đưa vào vận hành từ tháng 1/2020; trạm cầu Hạc Trì đang triển khai cải tạo hạ tầng và dự kiến đưa vào vận hành từ tháng 3/2020.

- b) 16 trạm do Nhà đầu tư BOT thực hiện đầu tư và kết nối vào hệ thống của VETC: hiện tại đã có 03/16 trạm kết nối được đưa vào vận hành, bao gồm: Tiên Cựu, Mỹ Lộc, An Sương An Lạc. Các Trạm còn lại đang chờ Nhà đầu tư BOT lắp đặt hệ thống ETC tại trạm.

- c) 33 làn bổ sung thuộc 05 trạm của giai đoạn 1: Công ty VETC và Nhà đầu tư BOT chưa đàm phán, ký kết xong “Phụ lục hợp đồng dịch vụ trích thu” nên chưa có căn cứ để triển khai đầu tư đối với các làn bổ sung tại Trạm.



Trạm thu phí Quảng Bình, tỉnh Quảng Bình



Trạm thu phí Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định

2. Về dán thẻ, sử dụng dịch vụ:

- Số lượng xe đã được dán thẻ đến nay là 834.970/3.000.000 xe (đạt 7,83% tổng số xe cả nước), tỷ lệ xe đã sử dụng dịch vụ thu phí ETC đạt 34%/tổng xe đã dán thẻ.

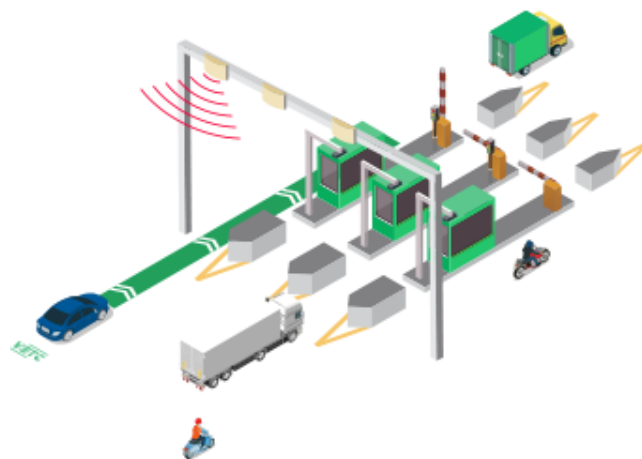
- Tại các trạm đã vận hành ETC: Tỷ lệ xe vé tháng/quý đã sử dụng hình thức ETC trung bình đạt khoảng 85%/tổng xe vé tháng/quý của trạm; doanh thu thu phí qua ETC trung bình đạt 15%/tổng doanh thu các trạm.

3. Kế hoạch triển khai đầu tư năm 2020:

3.1 Đẩy mạnh việc ký kết Phụ lục hợp đồng BOO, Hợp đồng dịch vụ thu phí với các nhà đầu tư BOT để thực hiện triển khai đầu tư, kết nối toàn bộ các làn tại các TTP nằm trong dự án BOO và làm cơ sở để nhà đầu tư BOO thực hiện trích doanh thu theo phương án tài chính đã được duyệt.

3.2 Đẩy mạnh công tác truyền thông đến các chủ phương tiện về các tiện ích khi sử dụng hệ thống thu phí không dừng ETC.

3.3 Đẩy mạnh công tác dán thẻ E-Tag trên phạm vi toàn quốc đặc biệt là tập trung vào các trung tâm cửa ngõ của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.



DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG

Đây là mảng đầu tư mới của công ty, sau thành công của dự án Nhà Máy Điện Mặt Trời Thuận Nam 19, do Công Ty Cổ Phần Tasco Năng Lượng làm chủ đầu tư. Dự án nằm tại địa bàn Phước Minh, Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận với quy mô 49 MW; tổng mức đầu tư 1,356 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành và thực hiện phát điện thương mại vào tháng 06/2019.

Trong kỳ chiến lược giai đoạn từ năm 2020 – 2022, dựa trên những kinh nghiệm đã tích lũy được, công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu, xem xét để cân nhắc tiếp tục đầu tư vào các mảng điện gió, điện năng lượng mặt trời. Hiện tại, công ty đã sơ bộ có chấp thuận đầu tư 02 dự án về điện gió tại các địa bàn Miền Trung, Tây Nguyên với tổng công suất dự kiến mỗi nhà máy là 100MW.



Dự án điện mặt trời Thuận Nam 19



Dự án điện gió Yang Bắc, Gia Lai

8. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới giai đoạn 2020 – 2022

Trong giai đoạn từ 2020 đến 2022, Chiến lược của công ty sẽ tập trung vào 4 định hướng chiến lược lớn như sau:

✚ Thứ nhất: Phát triển kinh doanh trên lợi thế và năng lực cốt lõi, trong đó định hướng đối với từng lĩnh vực đầu tư cụ thể như sau:

- **Lĩnh vực đầu tư Bất động sản:**
 - Phát triển dự án BĐS được hưởng lợi từ hiệp định CPTPP như: Hạ tầng khu công nghiệp, BĐS thương mại giá rẻ.
 - Phát triển thị trường BĐS tại các tỉnh, thành phố có tiềm năng, đang trên đà đô thị hóa mạnh.
 - Tìm kiếm, đánh giá hiệu quả để mua lại các dự án BĐS có quy mô vừa và nhỏ, có khả năng thực hiện đầu tư ngay trong năm 2020 – 2021.
- **Sản phẩm Công nghệ:**
 - Xâm nhập thị trường lĩnh vực giao thông thông minh theo các loại hình sản phẩm: thu phí sử dụng đường bộ, thu phí nội đô, kiểm soát vé cầu cảng, sân bay.....
- **Sản phẩm Năng lượng tái tạo:**
 - Phát triển thị trường lĩnh vực Năng lượng theo các loại hình sản phẩm điện mặt trời, điện gió được hưởng chế độ ưu đãi tại các địa bàn có lợi thế về điều kiện tự nhiên và các chính sách thu hút đầu tư.
- **Lĩnh vực đầu tư hạ tầng giao thông:**
 - Hoàn thành các thủ tục pháp lý và vận hành, khai thác các dự án BOT ổn định và đúng tiến độ đặt ra.
 - Tìm kiếm đối tác nước ngoài hợp tác chiến lược trong lĩnh vực hạ tầng giao thông để cùng hợp tác triển khai các dự án hạ tầng giao thông trong tương lai.
 - Tiếp tục nghiên cứu và phát triển lĩnh vực đầu tư hạ tầng giao thông
- **Lĩnh vực Thầu xây lắp:**
 - Phát triển thị trường lĩnh vực thầu xây lắp theo các loại hình sản phẩm về Hạ tầng: Cầu, đường, thủy lợi, bến cảng, sân bay, hầm, metro, đường sắt.
 - Tăng cường tìm kiếm các gói thầu vốn đầu tư từ ngân sách (TW và địa phương).

✚ Thứ hai : Thoái lui khỏi các lĩnh vực không phải là thế mạnh

Ổn định và nâng cao năng lực tài chính của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn trong việc tái cấu trúc nguồn vốn của Doanh nghiệp, giảm và/hoặc thoái vốn tại những lĩnh vực đầu tư không phải thế mạnh của Công ty. Đồng thời tập trung công tác thu hồi nợ, sẵn sàng nguồn lực tài chính cho các dự án đầu tư sắp tới.

✚ Thứ ba: Hợp tác với các đối tác để bổ sung năng lực còn thiếu

Mục tiêu nhằm nâng cao thương hiệu, năng lực cạnh tranh, giữ chân nhân sự với các ưu tiên là:

Tìm kiếm hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước có uy tín, kinh nghiệm, sẵn sàng là đối tác chiến lược trong các lĩnh vực Bất động sản, Điện năng lượng, Hạ tầng, Thầu xây dựng nhằm khai thác các cơ hội đầu tư, giảm bớt rủi ro, nâng cao hình ảnh thương hiệu, thu hút và giữ chân nhân sự.

Thứ tư : Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị

- Hoàn thiện hệ thống đội ngũ, kiện toàn hệ thống quản trị, nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong đó đặc biệt chú trọng đến việc giữ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong tất cả các bộ phận: đầu tư, quản lý dự án, pháp chế, tài chính, kế toán,...;
- Hoàn thiện hệ thống quản trị điều hành công ty dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch, chuyên nghiệp, tối ưu chi phí đầu tư;
- Hoạch định và đào tạo nguồn nhân lực kế cận phù hợp với văn hóa.

Ngoài ra những chiến lược bổ trợ như:

- **Xây dựng thương hiệu Công ty**, văn hoá doanh nghiệp làm nền tảng cho việc xây dựng đội ngũ người lao động mang phong cách và văn hoá Tasco, xây dựng Tasco là ngôi nhà thứ hai, là mái nhà chung đối với người lao động.

- **Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực**, hoạch định nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty, có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nhân tài. Xác định con người là nguồn lực quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

- **Xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý để Hội Đồng Quản Trị** thực hiện kiểm soát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kiểm tra việc đầu tư tài chính vào các công ty con thông qua hệ thống kiểm soát bằng các quy chế quản lý và hoạt động của hệ thống kiểm toán.

- **Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản trị chất lượng trong toàn công ty**, hoàn thiện các quy trình cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

- **Tất cả để hướng tới khách hàng**: Luôn tận tâm vì sự hài lòng của khách hàng, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng nhằm tăng thêm giá trị, lợi ích và luôn vượt lên sự mong đợi của khách hàng.

III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ:

1. Hội đồng quản trị Công ty:

1.1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	33	100%	
2	Ông Nguyễn Việt Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	33	100%	
3	Bà Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT	16	48%	Đang nghỉ vì lý do sức khỏe.
4	Bà Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT	33	100%	
5	Bà Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT độc lập	32	97%	Đi công tác
6	Bà Trần Hải Yến	Thành viên HĐQT	33	100%	

1.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Thực hiện theo đúng quy định tại điều lệ của Công ty, các quy định, quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, Hội đồng Quản trị đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thông qua những hoạt động cụ thể như sau:

- Thường xuyên giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, Điều lệ công ty đã ban hành.
- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư; đánh giá việc thực hiện kinh doanh, đầu tư để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2019 đã đề ra.
- Giám sát tình hình quản lý tài chính của Công ty, quản lý các chi phí đầu tư để phòng ngừa những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện chấp hành và tuân thủ các quy định pháp luật, chế độ báo cáo, công bố thông tin kịp thời, chính xác.

1.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

STT	Tiểu ban	Nhiệm vụ chính
1	Tiểu ban chiến lược và đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Định hướng xây dựng và đề xuất phê duyệt chiến lược tổng thể; - Giám sát thực hiện chiến lược thông qua các báo cáo định kỳ về các vấn đề chiến lược, đầu tư; - Thảo luận và đề xuất phê duyệt kế hoạch kinh doanh cho công ty và các công ty con; - Đề xuất phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền (theo cơ chế phân quyền); - Định hướng xây dựng và đặt mục tiêu cho doanh nghiệp; - Đề xuất phê duyệt kế hoạch tài chính và phân bổ vốn; - Giám sát hiệu quả hoạt động so với mục tiêu/kế hoạch.
2	Tiểu ban nhân sự và văn hóa doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chiến lược phát triển nhân sự (tuyển dụng, duy trì nhân tài, chế độ lương thưởng/đãi ngộ) - Giám sát đánh giá kết quả công việc của các cá nhân chủ chốt và cân đối giữa hiệu quả công việc với chế độ đãi ngộ; Giám sát việc xây dựng và vận hành hệ thống lương thưởng; - Hỗ trợ HĐQT trong việc đề xuất và lựa chọn các ứng viên cho các vị trí điều hành và các vị trí HĐQT khi có yêu cầu; - Giám sát và lập kế hoạch cho việc phát triển nhân sự kế thừa; - Định hướng xây dựng văn hóa doanh nghiệp; - Đảm bảo công ty tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và đóng góp vào việc xây dựng một bầu không khí tin cậy lẫn nhau trong công ty; - Phát hiện và ngăn chặn những vi phạm của công ty đối với các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn đạo đức.
3	Tiểu ban kiểm toán và Quản trị rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của ĐHQĐ, các quyết định/quy chế của HĐQT; - Kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các chính sách, quy chế và quy trình nội bộ trong hoạt động kinh doanh; - Thực hiện chức năng quản trị rủi ro các hoạt động của Công ty thông qua việc yêu cầu và phối hợp với các bộ phận liên quan trong Công ty thu thập, phân tích và đề ra các giải pháp xử lý cần thiết đối với các sự kiện chứa đựng nguy cơ rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
4	Tiểu ban tài chính và kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và kế hoạch Tài chính - Kế toán của Công ty; - Chủ trì xây dựng, sửa đổi hệ thống quản trị tài chính và hệ thống kế toán tại Công ty; - Tư vấn xây dựng hệ thống quản trị tài chính và kế toán tại công ty con; - Duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác tài chính lớn, các cơ quan quản lý nhà nước liên quan; - Tham gia lập chiến lược và giám sát thực hiện chiến lược Công ty; - Xây dựng, sửa đổi và giám sát thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty mảng tài chính và kế toán; - Giám sát quản lý quan hệ cổ đông.

1.4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Nghị quyết Hội đồng quản trị			
1	01/2019/NQ-HĐQT	28/01/2019	Thông qua Biên bản thẩm định và xử lý công nợ
2	02/2019/NQ-HĐQT	22/02/2019	Giảm vốn điều lệ tại Tasco Nam Định
3	03/2019/NQ-HĐQT	08/03/2019	Phê duyệt chủ trương nghiên cứu 2 dự án Điện gió tại Gia Lai và Phú Yên
4	04/2019/NQ-HĐQT	08/03/2019	Thông qua kết quả SXKD của VETC
5	05/2019/NQ-HĐQT	08/03/2019	Thông qua Phương án Nhân sự HĐQT, BKS Thăng Long
6	06/2019/NQ-HĐQT	28/03/2019	Điều chỉnh Sơ đồ tổ chức Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco
7	08/2019/NQ-HĐQT	29/03/2019	Phê duyệt Phương án chuyển nhượng sản thương mại Dự án khu nhà ở cho CBNV Văn phòng TƯ Đảng và Báo Nhân Dân
8	09/2019/NQ-HĐQT	29/03/2019	Phê duyệt việc ký kết các giao dịch trong Hợp đồng thuê sản dịch vụ tòa nhà A,B,C,D Dự án khu nhà ở cho CBNV Văn phòng TƯ Đảng và Báo Nhân Dân
9	10/2019/NQ-HĐQT	16/04/2019	Thông qua Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2019
10	11/2019/NQ-HĐQT	14/05/2019	Bổ sung tài sản đảm bảo cho Vietcombank Hà Nội
11	12/2019/NQ-HĐQT	05/06/2019	Phê duyệt đề xuất Miễn nhiệm, bổ nhiệm KTT Tasco 6
12	13/2019/NQ-HĐQT	07/06/2019	Phê duyệt đề xuất Chấm dứt HĐLĐ, Bổ nhiệm, Miễn nhiệm Kế toán trưởng Thái An
13	14/2019/NQ-HĐQT	07/06/2019	Thông qua Sơ đồ tổ chức Tasco 6
14	15/2019/NQ-HĐQT	07/06/2019	Thông qua các Quy trình xin ý kiến HĐQT
15	16/2019/NQ-HĐQT	07/06/2019	Thông qua chủ trương ký Phụ lục Hợp đồng BOT và HĐ cung cấp dịch vụ thu phí
16	17/2019/NQ-HĐQT	17/06/2019	Tăng vốn góp tại Công ty TNHH Thu phí tự động VETC
17	18/2019/NQ-HĐQT	12/07/2019	Miễn nhiệm, bổ nhiệm KTT Tasco Quảng Bình
18	19/2019/NQ-HĐQT	10/07/2019	Giới thiệu Nhân sự TASCOS tham gia HĐTV VETC
19	21/2019/NQ-HĐQT	18/10/2019	Cử người đại diện theo ủy quyền và chỉ định nhân sự tham gia HĐTV VETC - ông Phạm Văn Lương
20	22/2019/NQ-HĐQT	15/10/2019	V/v phê duyệt chủ trương tham gia đấu thầu sơ tuyển lựa chọn Nhà đầu tư và tìm kiếm đối tác Liên danh để đấu thầu các Dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020
21	23/2019/NQ-HĐQT	24/10/2019	Bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Dịch vụ Tasco
22	25/2019/NQ-HĐQT	30/12/2019	Giới thiệu Nhân sự TASCOS tham gia BKS Thăng Long

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
II. Quyết định của HĐQT			
1	01/2019/QĐ-HĐQT	11/01/2019	Phê duyệt Kết quả hoàn thành BSC năm 2018
2	02/2019/QĐ-HĐQT	11/01/2019	Phê duyệt bản giao BSC năm 2019
3	03/2019/QĐ-HĐQT	11/01/2019	Phê duyệt Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2019
4	04/2019/QĐ-HĐQT	28/03/2019	Thông qua PLHĐ BOO DA Thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc – Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ 1 và đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên
5	05/2019/QĐ-HĐQT	15/04/2019	Thành lập Ban Hợp tác Quốc tế
6	06/2019/QĐ-HĐQT	15/04/2019	Bổ nhiệm Phó Giám đốc Ban Hợp tác Quốc tế
7	07/2019/QĐ-HĐQT	10/05/2019	Phê duyệt danh sách Ban Hợp tác Quốc tế chuyên trách và kiêm nhiệm
8	08/2019/QĐ-HĐQT	19/07/2019	Miễn nhiệm Chánh VP HĐQT
9	09/2019/QĐ-HĐQT	19/07/2019	Bổ nhiệm Chánh VP HĐQT
10	10/2019/QĐ-HĐQT	04/09/2019	Điều chỉnh kế hoạch Kiểm toán nội bộ 2019
11	11/2019/QĐ-HĐQT	12/09/2019	Miễn nhiệm trợ lý Phó Chủ tịch HĐQT
12	17/2019/QĐ-HĐQT	03/09/2019	Miễn nhiệm TGD TASCOT
13	18/2019/QĐ-HĐQT	03/09/2019	Bổ nhiệm TGD TASCOT
14	19/2019/QĐ-HĐQT	29/10/2019	Thành lập Tổ đàm phán hợp tác đầu tư Dự án Thu phí tự động không dừng trên toàn quốc Giai đoạn 1
15	20/2019/QĐ-HĐQT	18/11/2019	Ban hành Quy chế quản trị nhân sự
16	22/2019/QĐ-HĐQT	24/12/2019	Bổ nhiệm Người đại diện theo Pháp luật An Nhiên Foods
17	23/2019/QĐ-HĐQT	24/12/2019	Bổ nhiệm Chủ tịch An Nhiên Foods

1.5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2020:

Trong năm 2020, HĐQT Công ty định hướng:

- Tập trung mọi nguồn lực để tìm cách tháo gỡ các khó khăn để giải quyết đến gốc các vấn đề của Dự án Thu phí tự động không dừng của VETC, coi đây là nhiệm vụ trọng điểm của Công ty.
- Quyết toán tuyến đường BT Lê Đức Thọ và hoàn thành việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với dự án Foresa Villa và tạm xác định nghĩa vụ tài chính của dự án 48 Trần Duy Hưng, Foresa Mỹ Đình của Công ty
- Tổ chức thu phí dự án BOT Đông Hưng và các trạm BOT khác của Công ty một cách an toàn và ổn định
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, bất động sản và năng lượng tái tạo.
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để thoái vốn khỏi các lĩnh vực đầu tư không phải thế mạnh của Công ty. Quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ tại các dự án BT, công trình xây lắp và các dự án Bất động sản...

1.6. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2019

Năm 2019, Công ty đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

2. Ban Kiểm soát:

2.1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

Ban kiểm soát của Công ty CP Tasco gồm 3 thành viên:

- Bà Bùi Kim Ngân - Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Ngọc - Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Dương Thụ - Thành viên Ban kiểm soát

2.2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong năm 2019, BKS đã hoàn thành việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ở nhiều hoạt động, bao gồm:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019: BKS đã theo dõi chặt chẽ tiến độ triển khai và ghi nhận Ban lãnh đạo Công ty đã và đang thực hiện đúng kế hoạch đề ra trong Nghị quyết.

- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo năm 2019: thông qua hoạt động của Phòng Kiểm toán, trao đổi trực tiếp với kiểm toán độc lập trong đợt kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 để kịp thời cập nhật, đánh giá kết quả kiểm toán trước khi Công ty phát hành báo cáo ra công chúng.

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh: thông qua hoạt động của Phòng Kiểm toán, BKS đã chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ tính tuân thủ và hiệu quả của Ban lãnh đạo trong thực hiện các quy chế, quy trình sản xuất kinh doanh. Với kết quả kiểm toán nội bộ trong năm 2019, BKS đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã được xây dựng và không ngừng được bổ sung, điều chỉnh đảm bảo tăng cường các chốt kiểm soát và phù hợp đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Lãnh đạo Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, các quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Công ty trong quá trình quản lý và điều hành.

2.3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS, đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

BKS đã chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan.

BKS đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.4. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Trưởng BKS đã phê duyệt chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

➤ Trong năm 2019, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý đã tham dự các buổi hội thảo và đào tạo trong và ngoài nước.

IV. THÔNG TIN CỔ PHIẾU, QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

1. Cổ phần:

- Tên: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tasco
- Mã chứng khoán: HUT
- Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2019: 268.631.965 cổ phần

Trong đó:

STT	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần lưu hành
1	Cổ phần chuyển nhượng tự do	268.631.965
2	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0

2. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

2.1. Cơ cấu cổ đông:

- Phân loại cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên (cổ đông lớn)	73.292.099	27,28
2	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ dưới 5% trở xuống (cổ đông nhỏ)	19.339.866	72,72

- Phân loại cổ đông theo tiêu chí tổ chức và cá nhân:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông là các tổ chức	77.899.940	29,00
2	Cổ đông là cá nhân	190.732.025	71,00

- Phân loại cổ đông trong nước và ngoài nước:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông trong nước	200.869.151	74,77
2	Cổ đông ngoài nước	67.762.814	25,23

- Phân loại cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0
2	Cổ đông khác	268.631.965	100

2.2. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

2.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

2.4. Các chứng khoán khác: Không có

3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	26.015.802	9,68%	
2	Trần Thị Cúc		107.496	0,04%	
3	Phạm Thị Nhài		74.549	0,03%	
4	Phạm Thế Hùng		31.248	0,01%	
5	Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT	2.105.118	0,78%	
6	Lê Quán Cận		6.521.903	2,43%	
7	Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT	3.709.291	1,38%	
8	Vũ Duy Hưng		1.505.760	0,56%	
9	Vũ Duy Lộc		788.119	0,29%	
10	Trần Hải Yến	Thành viên HĐQT	2.225.600	0,83%	
11	Phạm Thị Nhàn		4.382.445	1,63%	
12	Nguyễn Việt Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	1.072.141	0,40%	
13	Lưu Đàm Ngọc Anh		194.140	0,07%	
14	Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%	
15	Nguyễn Văn Dưỡng	Tổng giám đốc	565.861	0,21%	Miễn nhiệm ngày 01/10/2019
16	Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng giám đốc	239.440	0,09%	
17	Trần Thị Thanh	Kế toán trưởng	191.158	0,07%	
18	Lê Anh Vũ		3.984	0,001%	
19	Bùi Kim Ngân	Trưởng BKS	0	0,00%	
20	Lê Thị Ngọc	Thành viên BKS	92.486	0,03%	
21	Nguyễn Dương Thụ	Thành viên BKS	25	0,00%	

4. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	26.015.802	9,68%	26.015.802	9,68%	
2	Trần Thị Cúc	NCLQ của ông Phạm Quang Dũng	107.496	0,04%	107.496	0,04%	
3	Phạm Thị Nhài	NCLQ của ông Phạm Quang Dũng	74.549	0,03%	74.549	0,03%	
4	Phạm Thế Hùng	NCLQ của ông Phạm Quang Dũng	31.248	0,01%	31.248	0,01%	
5	Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT	2.105.118	0,78%	2.105.118	0,78%	
6	Lê Quân Cần	NCLQ của bà Phạm Thị Chi	6.521.903	2,43%	6.521.903	2,43%	
7	Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT	3.709.291	1,38%	3.709.291	1,38%	
8	Vũ Duy Hưng	NCLQ của bà Trần Thị Thanh Tân	1.505.760	0,56%	1.505.760	0,56%	
9	Vũ Duy Lộc	NCLQ của bà Trần Thị Thanh Tân	788.119	0,29%	788.119	0,29%	
10	Trần Hải Yến	Thành viên HĐQT	2.225.600	0,83%	2.225.600	0,83%	
11	Phạm Thị Nhân	NCLQ của bà Trần Hải Yến	4.382.445	1,63%	4.382.445	1,63%	
12	Nguyễn Viết Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	1.072.141	0,40%	1.072.141	0,40%	
13	Lưu Đàm Ngọc Anh	NCLQ của ông Nguyễn Viết Tân	194.140	0,07%	194.140	0,07%	
	Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%	0	0,00%	

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
15	Nguyễn Văn Dưỡng	Tổng giám đốc	565.861	0,21%	565.861	0,21%	Miễn nhiệm ngày 01/10/2019
16	Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng giám đốc	239.440	0,09%	239.440	0,09%	
17	Trần Thị Thanh	Kế toán trưởng	191.158	0,07%	191.158	0,07%	
18	Lê Anh Vũ	NCLQ của bà Trần Thị Thanh	3.984	0,001%	3.984	0,001%	
19	Bùi Kim Ngân	Trưởng BKS	0	0,00%	0	0,00%	
20	Lê Thị Ngọc	Thành viên BKS	92.486	0,03%	92.486	0,03%	
21	Nguyễn Dương Thụ	Thành viên BKS	25	0,00%	25	0,00%	
	Tổng cộng		49.826.566	18,55%	49.826.566	18,55%	

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Địa chỉ công bố, cung cấp Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất: <http://taric.com.vn/>

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020
Tổng Giám đốc



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text 'M.S.D.N.' at the top and 'Q. ĐỒNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI' at the bottom, separated by two stars. The center of the seal contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN TASCOCO' in bold, uppercase letters. A blue ink signature is written across the seal, overlapping the text 'CÔNG TY' and 'CỔ PHẦN'.

Nguyễn Việt Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đến thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 24 ngày 08/10/2019. Vốn điều lệ của Công ty là 2.686.319.650.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tasco Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCO

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
(Nhiệm kỳ 2017-2022)	Ông Nguyễn Việt Tân	Phó Chủ tịch
	Bà Phạm Thị Chi	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Tân	Thành viên
	Bà Trần Hải Yên	Thành viên
	Bà Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Việt Tân	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/10/2019)
	Ông Nguyễn Văn Dưỡng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/10/2019)
	Ông Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Khuất Trung Thắng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Việt Tân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Số: 346/2020/BCKT- BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Tasco,

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tasco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tasco, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



A blue ink handwritten signature.

Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 1009-2018 - 137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Ngọc Khánh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 2999-2019-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.311.130.883.461	2.117.560.373.052
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	146.076.986.910	142.526.664.337
1. Tiền	111		115.602.160.741	45.772.170.869
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.474.826.169	96.754.493.468
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	61.403.931.812	60.399.980.583
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		61.403.931.812	60.399.980.583
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.851.735.542.157	1.667.038.767.749
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.596.666.648.884	1.425.563.311.150
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	108.173.410.146	84.901.960.836
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	33.810.385.712	41.711.579.797
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	145.009.796.925	139.648.215.623
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(31.924.699.510)	(24.786.299.657)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	38.274.159.075	78.661.264.649
1. Hàng tồn kho	141		38.274.159.075	78.661.264.649
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		213.640.263.507	168.933.695.734
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	98.840.332.500	64.629.867.891
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		94.991.086.190	96.063.056.205
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	19.808.844.817	8.240.771.638
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.706.869.287.306	8.713.539.788.828
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		142.934.080.353	227.542.226.459
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	83.683.500.000	167.543.789.957
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	62.400.580.353	59.998.436.502
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(3.150.000.000)	-
II. Tài sản cố định	220		5.762.835.154.589	2.913.206.723.089
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	5.631.548.393.651	2.907.338.550.613
- Nguyên giá	222		6.771.544.992.523	3.839.931.786.001
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.139.996.598.872)	(932.593.235.388)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	131.286.760.938	5.868.172.476
- Nguyên giá	228		144.439.115.868	8.748.458.388
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.152.354.930)	(2.880.285.912)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	1.800.047.920.309	4.764.734.435.981
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.800.047.920.309	4.764.734.435.981
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	500.164.965.951	483.788.137.557
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		472.364.965.951	454.658.137.557
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.130.000.000	24.130.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.330.000.000)	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		499.984.795.674	323.239.983.164
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	499.984.795.674	323.239.983.164
VII Lợi thế thương mại	269		902.370.430	1.028.282.578
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.018.000.170.767	10.831.100.161.880

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		7.803.074.617.799	7.666.896.297.128
I. Nợ ngắn hạn	310		1.659.284.106.302	1.656.528.460.948
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	518.890.173.739	521.030.972.181
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		53.564.639.944	131.424.665.774
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	71.810.995.088	85.649.990.727
4. Phải trả người lao động	314		18.107.406.796	12.438.438.369
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	112.764.730.938	62.810.486.678
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	-	159.135.485
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	796.774.417.909	759.570.640.964
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	65.509.529.792	61.813.822.507
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.862.212.096	21.630.308.263
II. Nợ dài hạn	330		6.143.790.511.497	6.010.367.836.180
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.15	-	11.359.372.612
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	826.962.150	3.513.492.814
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	569.734.015.815	526.301.047.389
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	5.534.768.788.073	5.430.733.177.906
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	38.460.745.459	38.460.745.459
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.214.925.552.968	3.164.203.864.752
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	3.214.925.552.968	3.164.203.864.752
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		84.921.165.989	84.988.051.186
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		119.568.635.329	115.707.635.329
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		328.927.063.655	273.074.030.739
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		275.339.386.083	195.838.149.929
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53.587.677.572	77.235.880.810
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(4.810.962.005)	4.114.497.498
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		11.018.000.170.767	10.831.100.161.880

Người lập



Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	1.108.269.404.228	1.147.081.921.292
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	1.047.161.151	10.781.858.131
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		1.107.222.243.077	1.136.300.063.161
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	764.741.055.727	824.462.250.808
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		342.481.187.350	311.837.812.353
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	104.740.431.744	99.074.434.595
7. Chi phí tài chính	22	5.25	257.193.036.441	142.135.319.720
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		255.849.396.630	139.511.428.686
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		12.859.357.835	2.266.015.985
9. Chi phí bán hàng	25	5.26	15.021.305.630	33.609.432.018
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	112.326.415.006	147.091.331.858
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.540.219.852	90.342.179.337
{30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}				
12. Thu nhập khác	31	5.27	4.995.398.468	11.482.512.248
13. Chi phí khác	32	5.28	7.651.605.240	7.736.984.462
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.656.206.772)	3.745.527.786
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		72.884.013.080	94.087.707.123
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.29	28.221.795.011	28.407.368.914
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		44.662.218.069	65.680.338.209
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		53.587.677.572	77.235.880.810
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(8.925.459.503)	(11.555.542.601)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.30	212,43	306,17

Người lập



Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Tân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		72.884.013.080	94.087.707.123
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			370.491.618.875	238.690.394.890
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		221.953.611.971	179.118.367.127
- Các khoản dự phòng	03		10.288.399.853	21.401.049.657
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(117.599.789.579)	(101.340.450.580)
- Chi phí lãi vay	06		255.849.396.630	139.511.428.686
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		443.375.631.955	332.778.102.013
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		386.551.985.140	28.897.667.841
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40.387.105.574	(30.239.412.020)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(168.696.147.564)	343.571.083.717
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(210.955.277.119)	(106.417.959.444)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(392.121.789.003)	(188.927.306.182)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(24.777.985.947)	(52.101.471.986)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.370.442.943	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.228.370.523)	(336.261.252)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		70.905.595.456	327.224.442.687
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(195.063.803.329)	(719.940.917.619)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.058.105.291	1.355.261.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.347.100.000)	(156.449.368.255)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		26.300.114.502	355.824.416.458
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(662.000.000)	(157.515.743.040)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		79.664.756	86.775.001.004
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.807.093.880	23.956.394.244
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(187.827.924.900)	(565.994.955.299)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(709.567)
2. Tiền thu từ đi vay	33		183.743.456.729	768.800.250.427
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(62.867.979.917)	(591.544.280.144)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(402.824.795)	(120.142.165.850)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		120.472.652.017	57.113.094.866
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.550.322.573	(181.657.417.746)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		142.526.664.337	324.184.082.083
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	146.076.986.910	142.526.664.337

Người lập



Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh



Nguyễn Viết Tân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tasco tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 24 ngày 08/10/2019. Vốn điều lệ của Công ty là 2.686.319.650.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tasco Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCO

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện; Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn lập dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; Tư vấn quản lý dự án công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng; Tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi, và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kỹ thuật thi công công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, cầu đường bộ; Tư vấn lập quy hoạch xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đầu tư vào các công ty con hoạt động trong lĩnh vực BOT, dịch vụ y tế, quản lý.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
Công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51,00	51,00	Khai thác VLXD
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	99,97	99,97	Xây lắp
3	Công ty Cổ phần VETC	Hà Nội	97,82	97,82	Dịch vụ
4	Công ty CP Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2	Hà Nội	67,00	67,00	Y tế
5	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	100	Xây lắp
6	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Hạ tầng giao thông
7	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	100	Hạ tầng giao thông
8	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Hải Phòng	100	100	Hạ tầng giao thông
9	Công ty TNHH T'Hospital	Hà Nội	100	100	Đầu tư lĩnh vực y tế
10	Công ty TNHH Đào tạo và tư vấn Tasedu	Hà Nội	100	100	Đào tạo
11	Công ty TNHH An Nhiên Foods	Hòa Bình	100	100	Nông nghiệp
12	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Hà Nội	100	100	Dịch vụ
Công ty con sở hữu gián tiếp					
13	Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Hà Nội	98,08	98,08	Dịch vụ thu phí
Công ty liên doanh, liên kết					
1	Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Hà Nội	30,00	30,00	Kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Tasco Thăng Long	Hà Nội	30,00	30,00	Kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần D-Tech	Hà Nội	20,00	20,00	Khai thác VLXD

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
4	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Hà Nội	38,61	38,61	
5	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ	Phú Thọ	30,00	30,00	Hạ tầng giao thông
6	Công ty Cổ phần Tasco Năng Lượng	Ninh Thuận	29,00	29,00	SX, truyền tải và phân phối Điện

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

- Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý: Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

TSCĐ khác là tài sản hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức BOT được phản ánh ban đầu theo giá trị đầu tư và trích khấu hao theo tỷ trọng doanh thu theo Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty gồm công cụ dụng cụ, chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng và chi phí khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay của Công ty đối với các khoản vay cho các Dự án BOT được phân bổ theo doanh thu từ Dự án.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả dài hạn của Công ty là Chi phí đại tu BOT Quốc lộ 21 được trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm).
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất: cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và hoạt động khác, đầu tư, kinh doanh bất động sản và dịch vụ thu phí đường bộ trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.920.955.089	2.714.639.750
Tiền gửi ngân hàng	113.681.205.652	43.057.531.119
Các khoản tương đương tiền	30.474.826.169	96.754.493.468
Tổng	146.076.986.910	142.526.664.337

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	66.403.931.812	66.403.931.812	65.399.980.583	65.399.980.583
Ngắn hạn	61.403.931.812	61.403.931.812	60.399.980.583	60.399.980.583
Tiền gửi có kỳ hạn	61.403.931.812	61.403.931.812	60.399.980.583	60.399.980.583
Dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			472.364.965.951	454.658.137.557
Tổng công ty Thăng Long - CTCP			246.150.001.404	239.266.889.034
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng-Phú Thọ			75.107.834.766	73.732.029.980
Công ty CP Bất động sản Thái An			17.256.748.882	16.620.220.566
Công ty CP Tasco Thăng Long			1.776.452.142	1.779.000.875
Công ty CP D - Tech			1.459.997.102	1.459.997.102
Công ty CP Tasco Năng Lượng			130.613.931.655	121.800.000.000

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	24.130.000.000	(*)	(1.330.000.000)	24.130.000.000	(*)	-
Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	4.500.000.000		-	4.500.000.000		-
Công ty CP Cotabig	300.000.000		-	300.000.000		-
Công ty CP TIC	1.330.000.000		(1.330.000.000)	1.330.000.000		-
Công ty TNHH Môi trường Tasco Củ Chi	18.000.000.000		-	18.000.000.000		-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>1.596.666.648.884</i>	<i>1.425.563.311.150</i>
Ban QLDA ĐTXD các công trình NN& PTNT tỉnh Thái Bình	10.503.694.000	10.777.083.000
Ban Quản lý dự án 6	3.306.098.049	6.479.500.021
Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm (i)	1.028.883.010.283	1.008.557.926.703
Ban Quản lý các Dự án giao thông Hải Dương	-	17.440.060.000
Ban Quản lý các Dự án giao thông Nam Định	10.722.512.000	10.722.512.000
Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	25.145.813.206	25.145.813.206
Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Hà Nam	8.077.866.945	8.077.866.945
Đối tượng khác	510.027.654.401	338.362.549.275
<i>Phải thu dài hạn của khách hàng</i>	<i>83.683.500.000</i>	<i>167.543.789.957</i>
Sở GTVT tỉnh Thái Bình	83.683.500.000	167.543.789.957
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>1.649.650.000</i>	<i>1.652.050.000</i>

(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)

(i) Khoản phải thu Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm là giá trị phải thu một số hạng mục đã bàn giao của tuyến đường Lê Đức Thọ đến Khu Đô thị mới Xuân Phương do Công ty là nhà đầu tư theo Hợp đồng BT số 68/HĐBT để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu Đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (BT Lê Đức Thọ).

Giá trị đầu tư tuyến đường được thanh toán một phần bằng giá trị tiền sử dụng đất của Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương. Phần giá trị đầu tư còn lại được thanh toán bằng giá trị đất đối ứng của các Dự án mới.

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>108.173.410.146</i>	<i>84.901.960.836</i>
Công ty CP TIC	30.853.699.510	30.853.699.510
Công ty CP xây dựng Hải Long	3.219.588.125	1.975.811.383
Công ty Cổ phần Tasco Trường Sơn	5.187.542.840	5.106.802.840
Công ty CP Tasco 10	3.357.909.720	3.089.728.539
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	65.554.669.951	43.875.918.564

5.5 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	145.009.796.925	-	139.648.215.623	(3.167.710.000)
Tạm ứng	36.612.238.114	-	30.172.291.495	-
Ký cược, ký quỹ	119.470.000	-	3.172.000.000	(3.150.000.000)
Phải thu UBND quận nam từ liên giá trị hoàn trả suất đầu tư hạ tầng của các lô đất công cộng thuộc dự án sinh thái Xuân phương	48.324.177.720	-	48.324.177.720	-
Phải thu khác	59.953.911.091	-	57.979.746.408	(17.710.000)
Dài hạn	62.400.580.353	(3.150.000.000)	59.998.436.502	-
Ký cược, ký quỹ	3.846.925.643	(3.150.000.000)	387.890.000	-
Phải thu khác	58.553.654.710	-	59.610.546.502	-

5.6 Các khoản công nợ phải thu đã trích lập dự phòng

	31/12/2019 (VND)			01/01/2019 (VND)		
	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	35.074.699.510	-		24.786.299.657	-	
Công ty CP Thủy điện MEGASTAR - Hồng Nam	-	-	Trên 3 năm	17.710.000	-	Trên 3 năm
Công ty CP TIC	30.853.699.510	-	Trên 3 năm	21.597.589.657	-	Trên 3 năm
Công ty IT Fusion	3.150.000.000	-	Trên 3 năm	3.150.000.000	-	Trên 3 năm
Đối tượng khác	-	-	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thiên Hà	1.000.000.000	-	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm
Công ty CP Thẩm định giá và đầu tư VIC	50.000.000	-	Trên 3 năm	-	-	Trên 3 năm
Đối tượng khác	21.000.000	-	Trên 3 năm	21.000.000	-	Trên 3 năm
Tổng	35.074.699.510	-		24.786.299.657	-	

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.003.053.464	-	2.862.160.226	-
Công cụ, dụng cụ	8.457.870.867	-	5.368.203.588	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.182.032.569	-	1.216.487.701	-
Thành phẩm	166.704.565	-	201.991.704	-
Hàng hóa	1.464.497.610	-	69.012.421.430	-
Tổng	38.274.159.075	-	78.661.264.649	-

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	102.878.251	8.645.580.137	8.748.458.388
Mua trong năm	-	135.690.657.480	135.690.657.480
Số dư cuối năm	102.878.251	144.336.237.617	144.439.115.868
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	51.533.184	2.828.752.728	2.880.285.912
Khấu hao trong năm	4.286.592	10.267.782.426	10.272.069.018
Số dư cuối năm	55.819.776	13.096.535.154	13.152.354.930
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	51.345.067	5.816.827.409	5.868.172.476
Tại ngày cuối năm	47.058.475	131.239.702.463	131.286.760.938

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	35.940.819.136	129.891.175.139	39.651.023.979	10.561.090.340	3.623.887.677.407	3.839.931.786.001
Tăng trong năm	-	330.916.000	-	-	2.937.954.748.441	2.938.285.664.441
Mua trong năm	-	330.916.000	-	-	-	330.916.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	2.937.954.748.441	2.937.954.748.441
Giảm trong năm	-	-	5.897.437.329	-	775.020.590	6.672.457.919
Thanh lý, nhượng bán	-	-	5.897.437.329	-	-	5.897.437.329
Giảm khác	-	-	-	-	775.020.590	775.020.590
Số dư cuối năm	35.940.819.136	130.222.091.139	33.753.586.650	10.561.090.340	6.561.067.405.258	6.771.544.992.523
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17.341.512.705	19.856.910.989	14.073.824.409	6.277.611.038	875.043.376.247	932.593.235.388
Tăng trong năm	1.400.063.455	9.061.376.656	3.532.323.331	718.503.129	195.428.391.040	210.140.657.611
Khấu hao trong năm	1.400.063.455	9.061.376.656	3.532.323.331	718.503.129	195.428.391.040	210.140.657.611
Giảm trong năm	-	-	2.737.294.127	-	-	2.737.294.127
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.737.294.127	-	-	2.737.294.127
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	18.741.576.160	28.918.287.645	14.868.853.613	6.996.114.167	1.070.471.767.287	1.139.996.598.872
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	18.599.306.431	110.034.264.150	25.577.199.570	4.283.479.302	2.748.844.301.160	2.907.338.550.613
Tại ngày cuối năm	17.199.242.976	101.303.803.494	18.884.733.037	3.564.976.173	5.490.595.637.971	5.631.548.393.651

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	1.800.047.920.309	4.764.734.435.981
Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70	291.592.119.704	272.383.469.209
Dự án xây dựng nhà ở cho CB Báo Nhân dân và Văn phòng TW Đảng	55.434.356.785	75.998.120.219
Dự án khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương -Foresa villa	292.506.321.310	350.642.579.640
Dự án Khu đô thị mới Văn Canh Hoài Đức	276.900.516.639	314.645.842.109
Dự án 48 Trần Duy Hưng quận Cầu Giấy, Hà Nội	6.455.075.830	5.752.036.933
Dự án tòa nhà văn phòng Tasco	25.005.910.435	24.454.558.171
Dự án nhà ở cho CB CNV Bộ ngoại giao	722.838.777	671.703.686
Dự án Đầu tư XD công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B theo hình thức HĐ BT	-	34.067.118.660
Dự án Đầu tư XD công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B theo hình thức HĐ BOT	-	5.519.282.812
Dự án Trụ sở VP, khu tập thể CBNV Nam Thái	-	7.313.256.467
Dự án Khu chức năng đô thị Xuân Phương	47.995.074.991	50.146.864.935
Dự án quốc lộ 10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn	-	2.593.768.732.909
Các dự án Đầu tư bệnh viện	44.801.380.293	44.551.839.994
Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng và kiểm soát tải trọng xe	714.648.701.046	967.656.611.267
Dự án nông nghiệp công nghệ cao	17.670.814.944	16.924.620.692
Dự án BOT tuyến tránh Đông Hưng	16.645.956.847	-
Dự án nhà máy điện gió Yang Bắc	3.468.668.006	-
Các dự án khác	6.200.184.702	237.798.278
Tổng	1.800.047.920.309	4.764.734.435.981

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	98.840.332.500	64.629.867.891
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	242.107.522	390.896.537
Chi phí lãi vay	97.609.884.811	63.080.040.913
Các khoản khác	988.340.167	1.158.930.441
<i>Dài hạn</i>	499.984.795.674	323.239.983.164
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.903.239.517	3.770.788.709
Chi phí lãi vay	416.717.954.833	241.989.067.590
Chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng	1.090.192.800	1.503.326.845
Chi phí khác	79.273.408.524	75.976.800.020
Tổng	598.825.128.174	387.869.851.055

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	65.509.529.792	65.509.529.792	22.205.726.411	18.510.019.126	61.813.822.507	61.813.822.507
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	5.550.787.736	5.550.787.736	5.550.787.736
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	305.423.000	305.423.000	5.839.535.000	12.374.171.000	6.840.059.000	6.840.059.000
Vay đối tượng khác	65.204.106.792	65.204.106.792	16.366.191.411	585.060.390	49.422.975.771	49.422.975.771
Vay dài hạn	5.534.768.788.073	5.534.768.788.073	138.008.110.160	33.972.499.993	5.430.733.177.906	5.430.733.177.906
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	1.926.722.451.945	1.926.722.451.945	-	19.120.000.000	1.945.842.451.945	1.945.842.451.945
Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định	391.082.759.422	391.082.759.422	31.583.487.000	1.200.000.000	360.699.272.422	360.699.272.422
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Hà Nội	2.204.208.233.308	2.204.208.233.308	13.737.774.313	6.000.000.000	2.196.470.458.995	2.196.470.458.995
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN SGD3	855.383.152.106	855.383.152.106	60.686.848.847	1.000.000.000	795.696.303.259	795.696.303.259
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hà Nội	125.372.191.292	125.372.191.292	-	4.000.000.000	129.372.191.292	129.372.191.292
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội	-	-	-	652.499.993	652.499.993	652.499.993
Vay đối tượng khác	32.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin cho các khoản vay ngắn hạn:

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

- Hợp đồng số 01/2018/232424/HĐTD ngày 31 tháng 08 năm 2018, số tiền vay tối đa 60.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội
- Hợp đồng số 01/2017/HĐCVHM/VCBHN-BVMHN2 ngày 30/11/2017, mức dư nợ tối đa 10.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

Thông tin cho các khoản vay dài hạn:

Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BT, BOT; Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng và kiểm soát tải trọng xe; Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2.

Các khoản vay dài hạn cho các dự án BOT:

Công ty đang vay dài hạn tại các ngân hàng để thực hiện các dự án BOT. Nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo hợp đồng BOT đã ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty đang quản lý, đầu tư các dự án BOT:

Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình; Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10; Đầu tư bổ sung tuyến tránh thị trấn Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trên Quốc lộ 10 (Km92+900 đến Km98+400) đoạn từ cầu Tân Đệ đến cầu La Uyên; đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

- Hợp đồng số 02/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 22/05/2015 ký giữa Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty CP Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 435.700.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không vượt quá ngày 01/01/2016 hoặc khi dự án có doanh thu. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo hình thức Hợp đồng BOT, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần.

- Hợp đồng số 01/2013/HĐTD/BIDV-TASCO tháng 11/2013 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 1.531.000.000.000 đồng, thời hạn vay 19,5 năm, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần và được xác định vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý bằng tổng của Lãi suất tham chiếu cộng ba phần trăm một năm (3,5%/năm), nhưng không thấp hơn mức lãi suất tối thiểu theo quy định của Bên cho vay trong từng thời kỳ và không cao hơn mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.
- Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng 1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định (VDB):

- Hợp đồng tín dụng đầu tư Nhà nước số 02/2016/HĐTDĐT-NHPT ngày 02/06/2016, số tiền vay tối đa 369.000.000.000 đồng, thời hạn vay 78 tháng, thời gian ân hạn tối đa 15 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Mục đích sử dụng tiền vay: để đầu tư dự án: "Đầu tư bổ sung tuyến tránh thị trấn Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trên Quốc lộ 10 (Km92+900 đến Km98+400) đoạn từ cầu Tân Đệ đến cầu La Uyên. Lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.
- Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hà Nội:

- Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/VCBHN-TASCO ngày 15 tháng 10 năm 2015, số tiền vay 2.333.580.000.000 đồng, thời gian vay 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (nhưng không dài hơn 06 tháng trước ngày kết thúc thời gian thu phí của dự án), thời gian ân hạn gốc là 28 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 188 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay: để thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng, theo hình thức Hợp đồng BOT. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn cho các dự án BT:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 09 tháng 03 năm 2015, số tiền vay tối đa 970.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn tối đa 24 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ là 36 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn cho Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 3

- Hợp đồng số 01/2017/232424/HĐTD ngày 24/5/2017, hạn mức tín dụng 1.275.194.000.000 đồng, thời hạn vay 147 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn gốc là 27 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời hạn trả nợ gốc là 120 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án: Thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc- Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ và đường HCM đoạn qua tây nguyên theo hình thức hợp đồng BOO. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn cho Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương VN – Chi nhánh TP Hà Nội:

- Hợp đồng số 01/2017-HDDCVDADDT/NHCT106/BVMHN ngày 02/6/2017, số tiền vay tối đa 135.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư dự án Bệnh viện mắt Hà Nội – cơ sở 2, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm (theo chương trình cho vay đầu tư phát triển y tế - nhóm 1), cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ tối thiểu 2,0%/năm.

Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Tiên Phong:

- Hợp đồng số 103/2017/HDTD/HDG/01, số tiền vay 1.160.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng tiền vay: mua xe ô tô đưa đón bệnh nhân, lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 10/4/2019 là 7,8%. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 1 lần và bằng lãi suất cơ sở VND kỳ hạn 03 tháng cho khách hàng doanh nghiệp của TPbank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,7%/năm.

5.13 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	518.890.173.739	518.890.173.739	521.030.972.181	521.030.972.181
Công ty Cổ phần Xây dựng NASACO	10.623.356.771	10.623.356.771	13.183.813.420	13.183.813.420
Công ty CP Sông Hồng	17.465.589.000	17.465.589.000	-	-
Công ty CP xây dựng giao thông Yên Bái	24.625.755.821	24.625.755.821	24.625.755.821	24.625.755.821
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	139.313.689.366	139.313.689.366	80.743.044.059	80.743.044.059
Công ty cổ phần Đầu tư & xây dựng HUD3	5.850.006.218	5.850.006.218	14.131.569.995	14.131.569.995
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim	6.255.364.110	6.255.364.110	15.702.194.840	15.702.194.840
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật	3.055.942.821	3.055.942.821	5.423.213.078	5.423.213.078
Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong	67.545.900.964	67.545.900.964	36.949.569.230	36.949.569.230
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	35.348.592.985	35.348.592.985	27.669.454.985	27.669.454.985
Đối tượng khác	208.805.975.683	208.805.975.683	302.602.356.753	302.602.356.753
Tổng	518.890.173.739	518.890.173.739	521.030.972.181	521.030.972.181
Phải trả người bán là các bên liên quan	139.931.657.971	139.931.657.971	81.361.012.664	81.361.012.664

(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Năm 2019			31/12/2019
	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT đầu	63.028.395.871	78.599.129.449	117.507.841.387	24.119.683.933
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	21.786.935.206	50.242.213.124	24.777.985.873	47.251.162.457
Thuế Thu nhập cá nhân	821.429.650	3.938.139.557	4.328.160.509	431.408.698
Thuế tài nguyên	8.820.000	152.355.500	155.515.500	5.660.000
Thuế khác	4.410.000	239.517.640	240.847.640	3.080.000
Tổng	85.649.990.727	133.171.355.270	147.010.350.909	71.810.995.088

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Năm 2019			31/12/2019
	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT đầu ra	96.933.800	-	11.613.577.801	11.710.511.601
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.143.798.030	61.706.709	1.811.879	8.083.903.200
Thuế Thu nhập cá nhân	39.808	1.354.800	15.745.008	14.430.016
Tổng	8.240.771.638	63.061.509	11.631.134.688	19.808.844.817

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	112.764.730.938	62.810.486.678
Trích trước giá vốn các Dự án	67.099.068.910	50.066.540.325
Trích trước lãi trái phiếu chuyển đổi, lãi vay	13.047.376.790	8.062.963.326
Trích trước chi phí khác	32.618.285.238	4.680.983.027
Dài hạn	-	11.359.372.612
Trích trước chi phí lãi vay	-	11.359.372.612
Tổng	112.764.730.938	74.169.859.290

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	-	159.135.485
Doanh thu nhận trước	-	159.135.485
Dài hạn	826.962.150	3.513.492.814
Doanh thu quản lý vận hành khu đô thị	588.756.729	3.252.560.121
Doanh thu ghi nhận trước khác	238.205.421	260.932.693
Tổng	826.962.150	3.672.628.299

5.17 Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	796.774.417.909	759.570.640.964
Kinh phí công đoàn	1.546.098.858	1.204.538.330
Bảo hiểm xã hội	2.206.422.789	1.078.612.380
Bảo hiểm y tế	684.607.464	260.237.471
Bảo hiểm thất nghiệp	266.035.318	125.892.754
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.597.191.120	11.021.217.220
Tiền sử dụng đất dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân phương chờ đối trừ giá trị đầu tư dự án BT Lê Đức Thọ (i)	631.485.168.980	631.485.168.980
Các khoản phải trả, phải nộp khác	149.988.893.380	114.394.973.829
<i>Dài hạn</i>	569.734.015.815	526.301.047.389
Phải trả về góp vốn thực hiện dự án (ii)	428.063.150.000	406.993.150.000
Phải trả dài hạn khác	141.670.865.815	119.307.897.389
Tổng	1.366.508.433.724	1.285.871.688.353

- (i) Chi phí sử dụng đất Dự án khu đô thị sinh thái Xuân Phương, sẽ được đối trừ với giá trị đầu tư tuyến đường Lê Đức Thọ đến Khu Đô thị mới Xuân Phương do Công ty là nhà đầu tư theo Hợp đồng BT số 68/HĐBT. Hợp đồng BT dự kiến được quyết toán vào năm 2020 nên Công ty thực hiện phân loại công nợ này sang phải trả ngắn hạn.
- (ii) Phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT)

5.18 Dự phòng phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Dài hạn</i>	38.460.745.459	38.460.745.459
Dự phòng đại tu phần cầu, đường của dự án BOT21	38.460.745.459	38.460.745.459
Tổng	38.460.745.459	38.460.745.459

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
Tổng	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	2.686.319.650.000	2.510.589.130.000
Vốn góp tăng trong năm	-	175.730.520.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	2.686.319.650.000	2.686.319.650.000
Cổ tức đã chia	-	301.259.976.500

c. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	268.631.965	268.631.965
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	268.631.965	268.631.965
Cổ phiếu phổ thông	268.631.965	268.631.965
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	268.631.965	268.631.965
Cổ phiếu phổ thông	268.631.965	268.631.965
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	119.568.635.329	115.707.635.329

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2018	2.510.589.130.000	85.174.473.675	100.830.835.329	15.932.409.666	514.859.968.150	3.227.386.816.820
Tăng trong năm trước	175.730.520.000	-	14.876.800.000	-	77.622.838.717	268.230.158.717
Tăng vốn trong năm trước	175.730.520.000	-	14.876.800.000	-	-	190.607.320.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	77.235.880.810	77.235.880.810
Tăng khác	-	-	-	-	386.957.907	386.957.907
Giảm trong năm trước	-	186.422.489	-	11.817.912.168	319.408.776.129	331.413.110.786
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	17.851.800.000	17.851.800.000
Lỗi trong năm trước	-	-	-	11.555.542.601	-	11.555.542.601
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	261.660.000	301.259.976.500	301.521.636.500
Giảm khác	-	186.422.489	-	709.567	296.999.629	484.131.685
Số dư tại ngày 31/12/2018	2.686.319.650.000	84.988.051.186	115.707.635.329	4.114.497.498	273.074.030.738	3.164.203.864.752
Tăng trong năm	-	-	3.861.000.000	-	60.486.032.917	64.347.032.917
Tăng vốn trong năm nay	-	-	3.861.000.000	-	-	3.861.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	53.587.677.572	53.587.677.572
Tăng khác	-	-	-	-	6.898.355.345	6.898.355.345
Giảm trong năm	-	66.885.197	-	8.925.459.503	4.633.000.000	13.625.344.700
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	4.633.000.000	4.633.000.000
Lỗi trong năm nay	-	-	-	8.925.459.503	-	8.925.459.503
Giảm khác	-	66.885.197	-	-	-	66.885.197
Số dư tại ngày 31/12/2019	2.686.319.650.000	84.921.165.989	119.568.635.329	(4.810.962.005)	328.927.063.655	3.214.925.552.968

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Số tiền nợ VND
Công ty TNHH Lưu Thảo Vy	124.000.000
Ban QLDA NN&PT NT Nam Định	27.658.859
VP Hội Đồng ND-UBND tỉnh Nam Định	29.804.000
UBND huyện Trực Ninh	30.914.000
Công ty CP XD Thủy lợi Ninh Bình	198.469.912
Công ty CP Tàu thủy Hoàng Anh	61.600.000
Ban QLDA Đầu tư XD - Thị xã Phú Lý	34.135.000
Công ty CP Đầu tư & XD HUD 3	42.451.250
Công ty ĐTXD phát triển đô thị số 4	49.001.450
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sông Đà	364.262.853
Công ty CP TV XD Hà Tây	107.883.300
Công ty CP XD CT đô thị Nam Định	18.337.885
Công ty CP Đầu tư XD Việt Nhật	35.938.875
Phạm Đăng Khởi	11.649.400
Vũ Văn Dũng	27.694.731
Phạm Văn Toàn	22.165.608
Trần Thị Bích Hạnh	19.288.000
Ban QLDA Đầu tư XD huyện Hải Hậu	20.000.000
UBND huyện Giao Thủy	75.681.173
BQL Dự án Khu vực tỉnh Nam Định	49.901.000
Công ty CP Licogi 13	325.974.526
Công ty CP PTMT KCN & Đô thị Việt Nhật	109.450.000
Công ty CP Tư vấn công trình và Kỹ nghệ Đỉnh cao	59.854.000
Công ty cổ phần tư vấn giáo dục Sao Tím	24.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	70.000.000
Công ty CP tư vấn thiết kế XDCT & TM AET	130.000.000
Công ty CP Thủy điện MEGASTAR- Hồng Nam	17.710.000
Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Nam Định	116.860.000
Tổng	2.205.435.822

5.21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.108.269.404.228	1.147.081.921.292
Doanh thu hoạt động thu phí	588.313.591.178	425.571.449.369
Doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản	90.651.208.965	445.599.889.539
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.491.050.514	162.968.554.879
Doanh thu hợp đồng xây dựng	312.813.553.572	112.942.027.505
Doanh thu với các bên liên quan	172.363.636	5.401.425.487

(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)

5.22 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giảm giá hàng bán	1.047.161.151	10.781.858.131
Tổng	1.047.161.151	10.781.858.131

5.23 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn hoạt động thu phí	312.136.172.051	250.036.481.249
Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	80.148.608.548	330.171.492.653
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	85.637.209.961	141.442.281.349
Giá vốn hợp đồng xây dựng	286.819.065.167	102.811.995.557
Tổng	764.741.055.727	824.462.250.808

5.24 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.265.260.199	18.509.157.437
Doanh thu hoạt động tài chính khác	94.475.171.545	80.565.277.158
Tổng	104.740.431.744	99.074.434.595

5.25 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	255.849.396.630	139.511.428.686
Chi phí tài chính khác	1.343.639.811	2.623.891.034
Tổng	257.193.036.441	142.135.319.720

5.26 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	112.326.415.006	147.091.331.858
Chi phí nhân viên quản lý	42.518.762.413	46.898.890.813
Chi phí vật liệu quản lý	208.808.104	758.954.047
Chi phí đồ dùng văn phòng	773.383.149	2.006.711.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.704.299.911	8.809.149.914
Thuế, phí và lệ phí	225.748.724	561.495.831
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	10.306.109.853	21.625.799.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.042.521.576	35.575.412.589
Chi phí khác bằng tiền	16.546.781.276	30.854.917.433
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	15.021.305.630	33.609.432.018
Chi phí nhân viên	5.094.620.201	4.073.975.500
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.205.000	3.525.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.670.044.789	2.158.430.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	82.020.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.649.894.932	7.688.813.956
Chi phí khác bằng tiền	3.605.540.708	19.602.666.452
Tổng	127.347.720.636	180.700.763.876

5.27 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thanh lý tài sản	701.818.411	110.223.241
Thu phạt hợp đồng	3.003.922.798	1.551.731.978
Thu nhập khác	1.289.657.259	9.820.557.029
Tổng	4.995.398.468	11.482.512.248

5.28 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí khác	7.651.605.240	7.736.984.462
Tổng	7.651.605.240	7.736.984.462

5.29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	28.221.795.011	28.407.368.914
Tổng	28.221.795.011	28.407.368.914

5.30 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.587.677.572	77.235.880.810
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	53.587.677.572	77.235.880.810
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	252.262.547	252.262.547
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	212,43	306,17

5.31 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.640.683.056	33.924.954.902
Chi phí nhân công	110.266.102.628	57.434.576.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	221.626.633.998	115.397.801.103
Chi phí dự phòng	10.306.109.853	16.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	347.661.697.157	206.190.330.355
Chi phí khác bằng tiền	53.639.318.043	52.542.271.057
Tổng	752.140.544.735	465.506.433.511

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Phạm Quang Dũng
Phạm Thị Chi
Trần Thị Thanh Tân
Trần Hải Yến
Nguyễn Việt Tân
Đỗ Thanh Hương
Nguyễn Đình Siêu
Khuất Trung Thắng
Trần Thanh Long
Phạm Thị Nhài
Công ty Cổ phần BĐS Thái An
Công ty Cổ phần D-Tech
Công ty CP Tasco Thăng Long
Tổng Công ty Thăng Long – CTCP
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Người có liên quan với thành viên HĐQT
Người có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Bán hàng	172.363.636	5.401.425.487
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	120.000.000	5.349.061.851
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	52.363.636	52.363.636
Mua hàng	277.711.054.019	149.691.154.180
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	277.683.781.291	149.636.608.724
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	27.272.728	54.545.456
Vay	3.300.000.000	39.881.673.518
Phạm Quang Dũng	2.900.000.000	29.797.613.913
Trần Thanh Long	400.000.000	6.084.059.605
Trần Hải Yến	-	4.000.000.000
Chi phí lãi vay	3.809.709.689	290.947.669
Phạm Quang Dũng	3.021.544.365	206.888.064
Trần Thanh Long	788.165.324	84.059.605
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành		
	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Ban Giám đốc - Lương và thu nhập khác	1.529.140.260	3.448.426.048
Hội đồng Quản trị - Thù lao và thu nhập khác	4.902.740.658	5.416.624.194
Tổng	6.431.880.918	8.865.050.242
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng	1.649.650.000	1.652.050.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	1.601.800.000	1.544.200.000
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	47.850.000	47.850.000
Công ty CP Tasco Năng Lượng	-	60.000.000
Phải thu khác	101.264.800	1.446.721.369
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	101.264.800	101.264.800
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	-	1.345.456.569
Phải trả người bán	139.931.657.971	81.361.012.664
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	617.968.605	617.968.605
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	139.313.689.366	80.743.044.059

6.3 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp và hoạt động khác, dịch vụ thu phí đường bộ và Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2019

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	148.455.722.195		2.666.511.455.090	81.174.052.882	2.896.141.230.167
Tài sản cố định không thể phân bổ				17.065.492.922	17.065.492.922
Xây dựng cơ bản dở dang	102.865.140.380	1.094.891.017.854	2.599.288.015.721	967.690.262.026	4.764.734.435.981
Các khoản phải thu	522.968.087.247	1.262.156.625.812	7.269.209.919	17.285.110.394	1.809.679.033.372
Hàng tồn kho	5.590.753.681			73.070.510.968	78.661.264.649
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	77.433.936.807		319.156.924.997	95.582.817.094	492.173.678.898
Tài sản không thể phân bổ					772.645.025.891
Tổng tài sản	857.313.640.310	2.357.047.643.666	5.592.225.605.727	1.251.868.246.286	10.831.100.161.880
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	213.340.236.049	1.364.261.584.057	128.859.237.053	151.340.787.203	1.857.801.844.362
Phải trả tiền vay	146.959.974.521	198.888.139.271	4.351.002.583.362	795.696.303.259	5.492.547.000.413
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	316.547.452.353
Tổng nợ phải trả	360.300.210.570	1.563.149.723.328	4.479.861.820.415	947.037.090.462	7.666.896.297.128

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
DOANH THU					
Tổng doanh thu	275.910.582.384	445.599.889.539	385.448.193.036	40.123.256.333	1.147.081.921.292
Giảm trừ doanh thu	(10.255.453.304)	(526.404.827)			(10.781.858.131)
Doanh thu thuần	265.655.129.080	445.073.484.712	385.448.193.036	40.123.256.333	1.136.300.063.161
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	51.896.235.080	32.732.609.404	55.538.551.891	(46.079.689.252)	94.087.707.123
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.475.165.124	6.714.410.992	1.217.792.797	-	28.407.368.914
Lợi nhuận trong năm	31.421.069.956	26.018.198.412	54.320.759.094	(46.079.689.252)	65.680.338.209

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	137.765.521.769		5.096.605.487.724	516.741.949.813	5.751.112.959.306
Tài sản cố định không thể phân bổ					11.722.195.283
Xây dựng cơ bản dở dang	65.450.181.799	1.003.303.080.617	16.645.956.847	714.648.701.046	1.800.047.920.309
Các khoản phải thu	615.214.490.993	1.303.391.416.808	39.043.657.559	37.020.057.150	1.994.669.622.510
Hàng tồn kho	5.332.113.888			32.942.045.187	38.274.159.075
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	46.776.388.647		562.017.057.734	104.831.612.800	713.625.059.181
Tài sản không thể phân bổ					708.548.255.103
Tổng tài sản	870.538.697.096	2.306.694.497.425	5.714.312.159.864	1.406.184.365.996	11.018.000.170.767
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	202.507.120.591	1.252.712.901.881	65.390.697.951	159.274.802.425	1.679.885.522.848
Phải trả tiền vay	394.999.636.425	-	4.349.895.529.334	855.383.152.106	5.600.278.317.865
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	522.910.777.086
Tổng nợ phải trả	597.506.757.016	1.252.712.901.881	4.415.286.227.285	1.014.657.954.531	7.803.074.617.799

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
DOANH THU					
Tổng doanh thu	429.304.604.085	90.651.208.965	551.453.668.048	36.859.923.130	1.108.269.404.228
Giảm trừ doanh thu	(1.047.161.151)				(1.047.161.151)
Doanh thu thuần	428.257.442.934	90.651.208.965	551.453.668.048	36.859.923.130	1.107.222.243.077
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	93.409.331.602	(10.041.030.409)	115.698.073.507	(126.182.361.620)	72.884.013.080
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.659.506.576	-	2.562.288.435	-	28.221.795.011
Lợi nhuận trong năm	67.749.825.026	(10.041.030.409)	113.135.785.072	(126.182.361.620)	44.662.218.069

6.3 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.076.986.910	142.526.664.337
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.852.685.826.652	1.767.967.453.575
Các khoản cho vay	33.810.385.712	41.711.579.797
Đầu tư ngắn hạn	61.403.931.812	60.399.980.583
Đầu tư dài hạn	29.130.000.000	29.130.000.000
Tổng	2.123.107.131.086	2.041.735.678.292
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.885.398.607.463	1.806.902.660.534
Chi phí phải trả	112.764.730.938	74.169.859.290
Các khoản vay	5.600.278.317.865	5.492.547.000.413
Tổng	7.598.441.656.266	7.373.619.520.237

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.315.664.591.648	569.734.015.815	1.885.398.607.463
Chi phí phải trả	112.764.730.938	-	112.764.730.938
Các khoản vay	65.509.529.792	5.534.768.788.073	5.600.278.317.865
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.280.601.613.145	526.301.047.389	1.806.902.660.534
Chi phí phải trả	62.810.486.678	11.359.372.612	74.169.859.290
Các khoản vay	61.813.822.507	5.430.733.177.906	5.492.547.000.413

6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
31/12/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.076.986.910	-	146.076.986.910
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.709.751.746.299	142.934.080.353	1.852.685.826.652
Các khoản cho vay	33.810.385.712	-	33.810.385.712
Đầu tư ngắn hạn	61.403.931.812	-	61.403.931.812
Đầu tư dài hạn	-	29.130.000.000	29.130.000.000
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	142.526.664.337	-	142.526.664.337
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.540.425.227.116	227.542.226.459	1.767.967.453.575
Các khoản cho vay	41.711.579.797	-	41.711.579.797
Đầu tư ngắn hạn	60.399.980.583	-	60.399.980.583
Đầu tư dài hạn	-	29.130.000.000	29.130.000.000

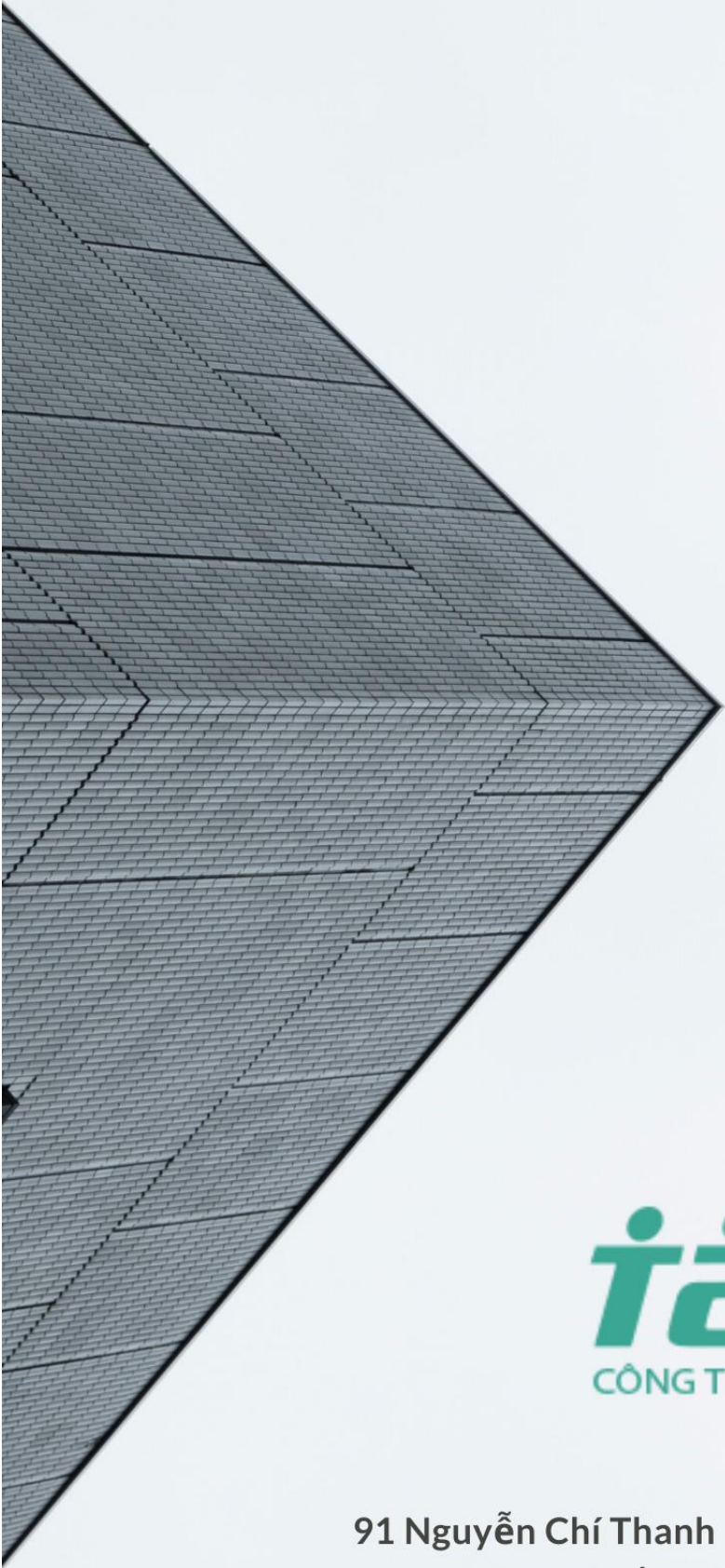
6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
Phạm Thị Thúy	Trần Thị Thanh	Nguyễn Việt Tân





TARIC
CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO



91 Nguyễn Chí Thanh - P.Láng Hạ - Q.Đống Đa - Hà Nội
www.taric.com.vn | www.tasco.com.vn